

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 30/2020/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất
áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng

6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 265/TTr-STC ngày 10 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về hệ số điều chỉnh giá đất (sau đây gọi tắt là hệ số K) để xác định giá đất cụ thể bằng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, cơ quan có chức năng xác định giá đất cụ thể;

b) Tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hộ gia đình, cá nhân (bao gồm người Việt Nam định cư ở nước ngoài) được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất

1. Hệ số K

Hệ số K là tỷ lệ giữa giá đất phổ biến trên thị trường so với giá đất trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và công bố.

a) Hệ số K đối với đất phi nông nghiệp (gồm: Đất ở tại nông thôn và đô thị; đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn và đô thị; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn và đô thị): Được quy định chi tiết tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này, cụ thể:

- Phụ lục I: Hệ số K trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.
- Phụ lục II: Hệ số K trên địa bàn thị xã Buôn Hồ.

- Phụ lục III: Hệ số K trên địa bàn huyện Krông Búk.
- Phụ lục IV: Hệ số K trên địa bàn huyện Ea H'leo.
- Phụ lục V: Hệ số K trên địa bàn huyện Krông Năng.
- Phụ lục VI: Hệ số K trên địa bàn huyện Cư M'gar.
- Phụ lục VII: Hệ số K trên địa bàn huyện Buôn Đôn.
- Phụ lục VIII: Hệ số K trên địa bàn huyện Ea Súp.
- Phụ lục IX: Hệ số K trên địa bàn huyện Krông Pắc.
- Phụ lục X: Hệ số K trên địa bàn huyện Ea Kar.
- Phụ lục XI: Hệ số K trên địa bàn huyện M'Drăk.
- Phụ lục XII: Hệ số K trên địa bàn huyện Krông Bông.
- Phụ lục XIII: Hệ số K trên địa bàn huyện Cư Kuin.
- Phụ lục XIV: Hệ số K trên địa bàn huyện Lắk.
- Phụ lục XV: Hệ số K trên địa bàn huyện Krông Ana.

b) Hệ số K tại các khu, cụm công nghiệp: 1,00

c) Hệ số K đối với đất nông nghiệp:

- Thành phố Buôn Ma Thuột (áp dụng cho các vị trí đất):

TT	Loại đất	Hệ số K	
		Các xã	Các phường
1	Đất trồng lúa nước từ 01 vụ trở lên	1,00	1,10
2	Đất trồng cây hàng năm khác	1,10	1,20
3	Đất trồng cây lâu năm	1,30	1,40
4	Đất rừng sản xuất	1,00	1,00
5	Đất nuôi trồng thủy sản	1,00	1,00

- Thị xã Buôn Hồ (áp dụng cho các vị trí đất):

TT	Loại đất	Hệ số K	
		Các xã	Các phường
1	Đất trồng lúa nước từ 01 vụ trở lên	1,00	1,05
2	Đất trồng cây hàng năm khác	1,05	1,10
3	Đất trồng cây lâu năm	1,20	1,30

4	Đất rừng sản xuất	1,00	1,00
5	Đất nuôi trồng thủy sản	1,00	1,00

- Các huyện còn lại (áp dụng cho các vị trí đất):

TT	Loại đất	Hệ số K	
		Các xã	Thị trấn
1	Đất trồng lúa nước từ 01 vụ trở lên	1,00	1,00
2	Đất trồng cây hàng năm khác	1,00	1,05
3	Đất trồng cây lâu năm	1,00	1,20
4	Đất rừng sản xuất	1,00	1,00
5	Đất nuôi trồng thủy sản	1,00	1,00

2. Hệ số K quy định tại Khoản 1 Điều này để áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất ở vượt hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân. Tính tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân;

b) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức mà phải nộp tiền sử dụng đất;

c) Tính tiền thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất. Trường hợp tại một số vị trí đất thực hiện dự án trong cùng một khu vực, tuyến đường có hệ số sử dụng đất (mật độ xây dựng, chiều cao của công trình) khác với mức bình quân chung của khu vực, tuyến đường; Sở Tài chính chủ trì xác định hệ số điều chỉnh giá đất cao hơn hoặc thấp hơn mức bình quân chung để tính thu tiền thuê đất trình UBND tỉnh quyết định đối với từng trường hợp cụ thể;

d) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; tính tiền thuê đất đối với trường hợp doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;

đ) Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

đang được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm được chuyển sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê và phải xác định lại giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất tại thời điểm có quyết định cho phép chuyển sang thuê đất theo hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định của Luật đất đai;

e) Người mua tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại theo giá đất cụ thể, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án.

g) Xác định giá đất để làm giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) dưới 10 tỷ đồng; xác định giá đất để làm căn cứ tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm mà phải xác định lại đơn giá thuê đất để điều chỉnh cho chu kỳ tiếp theo; xác định giá đất để làm cơ sở xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này và định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2020, thay thế Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền sử dụng đất, để xác định và điều chỉnh đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

Phụ lục I**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT***(Kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh)***I. ĐẤT Ở ĐÔ THỊ**

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
1	10 tháng 3	Nguyễn Chí Thanh	Phan Bội Châu	1.50
2	30 tháng 4	Phan Bội Châu	Phan Huy Chú	1.50
3	A Dừa	Lê Duẩn	Săm Bẳm	1.50
4	A Mí Đoan	Đầu đường	Hết đường	1.50
5	A Tranh	Y Nuê	Lê Chân	1.50
6	Ama Jhao	Nguyễn Tất Thành	Hùng Vương (Nối dài)	1.50
7	Ama Khê	Nguyễn Tất Thành	Hùng Vương	1.50
		Hùng Vương	Hết đường	1.50
8	Ama Pui	Nguyễn Công Hoan	Nguyễn Đình Chiểu	1.50
9	Ama Quang	Đầu đường	Hết đường	1.50
10	Ama Sa	Ama Khê	Hết đường	1.50
11	An Dương Vương	Trương Công Định	Phan Đình Phùng	1.50
		Phan Đình Phùng	Hết đường	1.50
12	Âu Cơ	Lê Duẩn	Hết đường	1.50
13	Bà Huyện Thanh Quan	Lê Duẩn	Săm Bẳm	1.50
14	Bà Triệu	Lê Thánh Tông	Nguyễn Công Trứ	1.50
15	Bạch Đằng	Số 91, Giải Phóng	Hẻm 53 Giải Phóng	1.50
16	Bế Văn Đàn	Bùi Hữu Nghĩa	Lê Duẩn	1.50
17	Bùi Huy Bích	Thăng Long	Đinh Tiên Hoàng	1.50
		Đinh Tiên Hoàng	Hết đường	1.50
18	Bùi Hữu Nghĩa	Mai Hắc Đế	Cổng sau Tỉnh ủy (Hết thửa 23, tờ BĐ số 22)	1.50
		Cổng sau Tỉnh ủy (Hết thửa 23, tờ bản đồ số 22)	Hết đường	1.50
19	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Tất Thành	Ama Khê	1.50
20	Cao Bá Quát	Trần Văn Phụ	Trần Nhật Duật	1.50
21	Cao Đạt	Nguyễn Tất Thành	Hết đường	1.50
22	Cao Thắng	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
		Nguyễn Hữu Thọ	Đồng Khởi	1.40
23	Cao Xuân Huy	Trần Khánh Dư	Trần Nhật Duật	1.50
24	Cổng Quỳnh	Ngô Gia Tự	Chu Văn An	1.50
25	Chế Lan Viên	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Công Hoan	1.50
26	Chu Huy Mân	Ngô Gia Tự	Chu Văn An	1.50
27	Chu Mạnh Trinh	Mai Hắc Đế	Hết đường	1.50
28	Chu Văn An	Nguyễn Chí Thanh	Lý Thái Tổ	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Lý Thái Tổ	Hà Huy Tập	1.50
29	Chu Văn Tấn	Võ Văn Kiệt	Phan Huy Chú	1.50
30	Cù Chính Lan	Đình Tiên Hoàng	Hẻm 14 Cù Chính Lan	1.50
		Hẻm 14 Cù Chính Lan	Hết đường	1.50
31	Dã Tượng	Làng văn hóa dân tộc	Hẻm 266 Nguyễn Chí Thanh	1.50
		Hẻm 266 Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	1.50
32	Dương Văn Nga	Mai Hắc Đế	Y Ngông	1.50
33	Đào Doãn Dịch	Phan Bội Châu	Thủ Khoa Huân	1.50
34	Đào Duy Anh	Võ Văn Kiệt	Hết thửa đất 21, tờ BĐ số 90	1.50
		Hết thửa đất 21, tờ BĐ số 90	Hết thửa đất 52, tờ BĐ số 90	1.50
35	Đào Duy Từ	Phan Bội Châu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường	1.50
36	Đào Tấn	Trần Văn Phú	Trần Nhật Duật	1.50
37	Đặng Dung	Nguyễn Đình Chiểu	Y Út Niê	1.50
38	Đặng Nguyên Cẩn	Đình Tiên Hoàng	Hết đường	1.50
39	Đặng Tất	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	1.50
40	Đặng Thái Mai	Phan Chu Trinh	Đặng Dung	1.50
41	Đặng Thái Thân	Mai Hắc Đế	Hẻm 40 Đặng Thái Thân	1.50
		Hẻm 40 Đặng Thái Thân	Giải Phóng	1.50
42	Đặng Trần Côn	Mai Hắc Đế	Hết đường	1.50
43	Đặng Văn Ngữ	Lê Duẩn	Săm Bẳm	1.50
		Săm Bẳm	Hết đường	1.50
44	Đặng Vũ Hiệp	Trần Khánh Dư	Trần Nhật Duật	1.50
45	Điện Biên Phủ	Nguyễn Công Trứ	Hoàng Diệu	1.50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường (Giáp suối Ea Nuôl)	1.50
46	Điêu Văn Cải	Lê Duẩn	Hết đường	1.50
47	Đình Công Tráng	Quang Trung	Hết số nhà 78 Đình Công Tráng (Thửa 6, TBĐ số 11)	1.50
		Hết ranh giới đất 78 Đình Công Tráng (Thửa 6, TBĐ số 11)	Nơ Trang Gưh	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
48	Đinh Lễ	Hà Huy Tập	Đường quy hoạch rộng 36m	1.50
49	Đinh Núp	Ama Khê	Y Ni Ksor	1.50
50	Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Công Trứ	1.50
		Nguyễn Công Trứ	Phạm Hồng Thái	1.50
		Phạm Hồng Thái	Lê Duẩn	1.50
51	Đinh Văn Gió	Y Ni K'sor	Hết đường	1.50
52	Đoàn Khuê	Nguyễn Chí Thanh	Tôn Đức Thắng	1.50
53	Đoàn Thị Diễm	Lý Thường Kiệt	Tịnh xá Ngọc Quang (Thửa 102, TĐĐ số 8)	1.50
54	Đỗ Nhuận	Hà Huy Tập	Đường quy hoạch rộng 36m	1.50
55	Đỗ Xuân Hợp	Y Moan Êñuôl	Mười Tháng Ba	1.50
56	Đồng Khởi	Nguyễn Chí Thanh	Hà Huy Tập	1.50
		Hà Huy Tập	Y Moan Êñuôl	1.50
		Y Moan Êñuôl	10 tháng 3	1.50
57	Đồng Sỹ Bình	Giải Phóng	Hẻm 40 Dương Văn Nga	1.50
58	Giải Phóng	Lê Duẩn	Y Ngông	1.50
59	Giáp Hải	Hải Triều	Trần Quang Khải	1.50
		Trần Quang Khải	Nguyễn Đình Chiểu	1.50
60	Hà Huy Tập	Lê Thị Hồng Gấm	Đồng Khởi	1.50
		Đồng Khởi	10 tháng 3	1.50
		10 tháng 3	Bắt đầu ranh giới đất Cụm Công nghiệp Tân An	1.50
		Bắt đầu ranh giới đất Cụm Công nghiệp Tân An	Hết địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	1.50
61	Hai Bà Trưng	Nơ Trang Long	Phan Bội Châu	1.50
		Phan Bội Châu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Văn Trỗi	1.50
62	Hải Thượng Lãn Ông	Lê Thánh Tông	Giáp Hải	1.50
63	Hải Triều	Lê Thánh Tông	Giáp Hải	1.50
64	Hàm Nghi	Phan Bội Châu	Lê Công Kiều	1.50
65	Hàn Mặc Tử	Lê Quý Đôn	Đoàn Khuê	1.50
66	Hàn Thuyên	Trần Phú	Hết đường	1.50
67	Hoàng Diệu	Lê Thánh Tông	Phan Chu Trinh	1.50
		Phan Chu Trinh	Xô Viết Nghệ Tĩnh	1.50
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Nguyễn Trãi	1.50
		Nguyễn Trãi	Ngô Mây	1.50
		Ngô Mây	Trương Công Định	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
68	Hoàng Đình Ái	Tô Vĩnh Diện	Nguyễn Viết Xuân	1.50
69	Hoàng Hoa Thám	Phan Bội Châu	Y Ngông	1.50
70	Hoàng Hữu Nam	Võ Văn Kiệt	Phan Huy Chú	1.50
71	Hoàng Minh Thảo	Lý Chính Thắng	Cao Thắng	1.40
72	Hoàng Thế Thiện	Y Moan Ênuôl	Thửa 142, TBD số 19	1.50
		Thửa 142, TBD số 19	Thửa 149, TBD số 23	1.50
73	Hoàng Văn Thái	Lý Thái Tổ	Lý Chính Thắng	1.50
74	Hoàng Văn Thụ	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
75	Hoàng Việt	Trần Quang Khải	Hết đường	1.50
76	Hồ Giáo	65 Mai Xuân Thưởng	Hẻm 169, Nơ Trang Gùh	1.50
77	Hồ Tùng Mậu	Lê Hồng Phong	Y Ngông	1.50
78	Hồ Xuân Hương	Phan Bội Châu	Quang Trung	1.50
79	Hùng Vương	Ngã 6 trung tâm	Đinh Tiên Hoàng	1.50
		Đinh Tiên Hoàng	Bà Triệu	1.50
		Bà Triệu	Ngã ba Nguyễn Công Trứ	1.50
		Ngã ba Nguyễn Công Trứ	Ama Khê	1.50
		Ama Khê	Ama Jhao	1.50
		Ama Jhao	Hết đường	1.50
80	Huy Cận	Điện Biên Phủ	Lê Hồng Phong	1.50
81	Huỳnh Thúc Kháng	Trần Văn Phú	Trần Nhật Duật	1.50
82	Huỳnh Văn Bánh	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	1.50
83	Khúc Thừa Dụ	Lê Duẩn	Săm Bẳm	1.50
84	Kim Đồng	Đồng Khởi	Văn Tiến Dũng	1.50
85	Kpă Nguyên	Lý Thái Tổ	Lý Chính Thắng	1.50
86	Kpă Púi	231 Ngô Quyền	Tôn Đức Thắng	1.50
87	Lạc Long Quân	Lê Duẩn	Hết đường	1.50
88	Lê Anh Xuân	Trần Quang Khải	Hết Đường	1.50
89	Lê Cảnh Tuân	Thế Lữ	211A Lê Cảnh Tuân	1.50
90	Lê Chân	Lê Duẩn	Y Nuê	1.50
91	Lê Công Kiều	Mạc Đinh Chi	Mai Xuân Thưởng	1.50
92	Lê Duẩn	Ngã 6 trung tâm	Bên phải: Bế Văn Đàn; Bên trái: Thửa 45, TBD số 6 phường Tân Thành	1.50
		Bên phải: Bế Văn Đàn; Bên trái: Thửa 45, TBD số 6 phường Tân Thành	Cầu Ea Tam	1.50
		Cầu Ea Tam	Nguyễn An Ninh	1.50
		Nguyễn An Ninh	Phan Huy Chú	1.50
93	Lê Đại Cang	Số 1A, Bà Triệu	Số 09, Trường chinh	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
94	Lê Đại Hành	Trần Phú	Nguyễn Văn Trỗi	1.50
95	Lê Đức Thọ	Phan Bội Châu	Ngô Đức Kế	1.50
96	Lê Hồng Phong	Y Ngông	Bên phải Nguyễn Công Trứ; Bên trái hẻm 105 Lê Hồng Phong	1.50
		Bên phải Nguyễn Công Trứ; Bên trái hẻm 105 Lê Hồng Phong	Phan Bội Châu	1.50
		Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1.50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường	1.50
97	Lê Lai	Trương Công Định	Phan Đình Phùng	1.50
98	Lê Lợi	Trần Khánh Dư	Tản Đà	1.50
99	Lê Minh Xuân	Y Ní K'Sor	Hết đường	1.50
100	Lê Quang Sung	Y Bih Aleo	Trần Hữu Dực	1.50
101	Lê Quý Đôn	Nguyễn Chí Thanh	Lý Thái Tổ	1.50
102	Lê Thánh Tông	Phan Bội Châu	Trần Hưng Đạo	1.50
		Trần Hưng Đạo	Lý Tự Trọng	1.50
103	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1.50
104	Lê Thị Riêng	Lê Duẩn	Hết đường	1.50
105	Lê Trọng Tấn	Đồng Khởi	Văn Tiến Dũng	1.50
106	Lê Văn Hưu	Đặng Văn Ngữ	Khúc Thừa Dụ	1.50
		Khúc Thừa Dụ	Phùng Hưng	1.50
107	Lê Văn Nhiều	Nguyễn Hồng Ứng	Hết đường	1.50
108	Lê Văn Sỹ	Lê Duẩn	Nguyễn Viết Xuân	1.50
109	Lê Vũ	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	1.50
110	Lương Thế Vinh	Y Ngông	Mai Xuân Thưởng	1.50
111	Lý Chính Thắng	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
		Nguyễn Hữu Thọ	Đồng Khởi	1.50
112	Lý Nam Đế	Nguyễn Tất Thành	Lê Thánh Tông	1.50
113	Lý Thái Tổ	Lý Tự Trọng	Đồng Khởi	1.50
114	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Công Trứ	Phan Bội Châu	1.50
		Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1.50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Văn Trỗi	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Nguyễn Văn Trỗi	Bên phải: Đoàn Thị Điễm; Bên trái: Số nhà 323 Lý Thường Kiệt	1.50
		Bên phải: Đoàn Thị Điễm; Bên trái: Số nhà 323 Lý Thường Kiệt	Hết đường	1.50
115	Lý Tự Trọng	Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	1.50
		Ngô Quyền	Lê Thị Hồng Gấm	1.50
116	Má Hai	Thế Lữ	Tăng Bạt Hổ	1.50
117	Mạc Đĩnh Chi	Phan Bội Châu	Nơ Trang Gùh	1.50
		Nơ Trang Gùh	Mai Xuân Thường	1.50
118	Mạc Thị Bưởi	Quang Trung	Phan Bội Châu	1.50
		Phan Bội Châu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường (Giáp suối Ea Nuôl)	1.50
119	Mai Hắc Đế	Y Ngông	Nguyễn Viết Xuân	1.50
		Nguyễn Viết Xuân	Giải Phóng	1.50
		Giải Phóng	Hết đường	1.50
120	Mai Thị Lựu	Y Wang	Hết đường (Trần Quý Cáp)	1.50
121	Mai Xuân Thường	Phan Bội Châu	Mạc Đĩnh Chi	1.50
		Mạc Đĩnh Chi	Y Ngông	1.50
122	Mậu Thân	Phạm Văn Đồng	Hết thửa đất số 2, 14 tờ BD số 3	1.50
		Hết thửa đất số 2, 14 tờ BD số 3	Hết địa bàn phường	1.50
123	Nam Quốc Cang	Mạc Đĩnh Chi	Mai Xuân Thường	1.50
124	Nay Der	Y Ni K'Sor	Hết đường	1.50
125	Nay Phao	Đồng Khởi	Văn Tiến Dũng	1.50
126	Nay Thông	Lê Duẩn	Săm Bẳm	1.50
		Săm Bẳm	Hết đường	1.50
127	Ngô Chí Quốc	Phạm Văn Đồng	Nhà thờ Lộ Đức	1.50
		Nhà thờ Lộ Đức	Hết địa bàn phường	1.50
128	Ngô Đức Kế	Phan Chu Trinh	Lê Thánh Tông	1.50
129	Ngô Gia Tự	Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	1.50
		Ngô Quyền	Hà Huy Tập	1.50
130	Ngô Mây	Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1.50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1.50
131	Ngô Quyền	Trần Hưng Đạo	Ngô Gia Tự	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Ngô Gia Tự	Lê Quý Đôn	1.50
132	Ngô Tất Tố	Hùng Vương	Nguyễn Công Trứ	1.50
133	Ngô Thị Nhậm	Lê Quý Đôn	Đồng Khởi	1.50
134	Ngô Văn Năm	Lê Thị Hồng Gấm	Hết đường	1.50
135	Nguyễn Hồng	Trần Nhật Duật	Hết đường	1.50
136	Nguyễn An Ninh	Lê Duẩn	Cổng Trại giam	1.50
137	Nguyễn Biểu	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
138	Nguyễn Bính	Điện Biên Phủ	Lê Hồng Phong	1.50
139	Nguyễn Bình Khiêm	Hoàng Diệu	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường	1.50
140	Nguyễn Bưởi	Ngô Gia Tự	Chu Văn An	1.50
141	Nguyễn Cảnh Dị	Võ Văn Kiệt	Hết thửa đất số 3, tờ BD số 157	1.50
142	Nguyễn Chánh	Phan Chu Trinh	Lê Thánh Tông	1.50
143	Nguyễn Chí Thanh	Chu Văn An + Nguyễn Văn Cừ	Trương Quang Giao	1.50
		Trương Quang Giao	Trịnh Cấn	1.50
		Trịnh Văn Cấn	Hết vòng xoay ngã ba Nhà máy bia Sài Gòn	1.50
144	Nguyễn Công Hoan	Phan Chu Trinh	Nguyễn Khuyến	1.50
145	Nguyễn Công Trứ	Lê Hồng Phong	Lê Duẩn	1.50
		Lê Duẩn	Đinh Tiên Hoàng	1.50
		Đinh Tiên Hoàng	Hùng Vương	1.50
146	Nguyễn Cơ Thạch	Nguyễn Thị Định	Nhà số 163	1.50
147	Nguyễn Cư Trinh	Phạm Hồng Thái	Hết cầu bê tông	1.50
		Hết cầu bê tông	Hết đường	1.50
148	Nguyễn Du	Lê Duẩn	Cầu chui	1.50
		Cầu chui	Đền ông Cảo	1.50
		Đền ông Cảo	Trần Quý Cáp	1.50
149	Nguyễn Duy Trinh	Mai Hắc Đế	Y Ngông	1.50
150	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Khuyến	1.50
151	Nguyễn Đình Chiểu nối dài	Ngã ba Nguyễn Khuyến, Nguyễn Đình Chiểu	Đến hết địa bàn phường Tân Lợi	1.50
152	Nguyễn Đình Thi	Trần Kiên	Giáp lô cao su	1.50
153	Nguyễn Đức Cảnh	Hoàng Diệu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Văn Trỗi	1.50
154	Nguyễn Gia Thiều	Nguyễn Văn Linh	Hết đường	1.50
155	Nguyễn Hiền	Lê Thánh Tông	Hết đường	1.50
156	Nguyễn Hồng Ứng	Lê Vụ	Lê Văn Nhiễu	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
157	Nguyễn Huy Tự	Nguyễn Cư Trinh	Hết đường	1.50
158	Nguyễn Huy Tường	Lê Thánh Tông	Hết đường	1.50
159	Nguyễn Hữu Thấu	Hà Huy Tập	Hết khu dân cư K7	1.50
		Hết khu dân cư K7	Mười Tháng Ba	1.50
160	Nguyễn Hữu Thọ	Nguyễn Chí Thanh	Lý Thái Tổ	1.50
161	Nguyễn Khắc Tính	Lê Vụ	Lê Văn Nhiều	1.50
162	Nguyễn Khoa Đăng	Võ Văn Kiệt	Hết thửa đất 52, TBĐ số 74 (sát đường hẻm)	1.50
		Hết thửa đất 52, TBĐ số 74 (sát đường hẻm)	Hết thửa đất 128, TBĐ số 74	1.50
163	Nguyễn Khuyến	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Nhật Duật	1.50
		Trần Nhật Duật	Y Moan Ênuôl	1.50
164	Nguyễn Kim	Mai Hắc Đế	Hết đường	1.50
165	Nguyễn Kinh Chi	Lê Thị Hồng Gấm	Hẻm 51 Nguyễn Tất Thành	1.50
166	Nguyễn Lâm	Ama Khê	Sang 2 phía đường Ama Khê	1.50
167	Nguyễn Lương Bằng	Nguyễn Văn Cừ (Vòng xoay km5)	Cầu km 5	1.50
168	Nguyễn Nhạc	Công an Thành phố	Ngô Gia Tự	1.50
169	Nguyễn Phi Khanh	Lê Thánh Tông	Nguyễn Thi	1.50
170	Nguyễn Phúc Chu	Nguyễn Thị Định	Hết khu dân cư tổ 56 A	1.50
171	Nguyễn Siêu	Phạm Ngũ Lão	Hết đường	1.50
172	Nguyễn Sinh Sắc	Phạm Văn Đồng	Lê Cảnh Tuân	1.50
		Lê Cảnh Tuân	Hết đường	1.50
173	Nguyễn Sơn	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Công Hoan	1.50
174	Nguyễn Tất Thành	Ngã 6 trung tâm	Nguyễn Văn Cừ	1.50
175	Nguyễn Thái Học	Phan Chu Trinh	Văn Cao	1.50
		Văn Cao	Nguyễn Khuyến	1.50
176	Nguyễn Thi	Tân Đà	Phan Văn Khỏe	1.50
177	Nguyễn Thị Định	30 tháng 4	Chợ Thành Nhất	1.50
		Chợ Thành Nhất	Đường trục 1 Buôn Ky	1.50
		Trục đường 1 Buôn Ky	Hết thửa đất 219 và thửa 1046 tờ bản đồ 17	1.50
		Hết thửa đất 219 và thửa 1046 tờ bản đồ 17	Hết địa bàn TP. Buôn Ma Thuột	1.50
178	Nguyễn Thị Minh Khai	Phan Chu Trinh	Y Jút	1.50
		Y Jút	Nguyễn Trãi	1.50
		Nguyễn Trãi	Phạm Ngũ Lão	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
179	Nguyễn Thiếp	Nguyễn Cư Trinh	Hết đường	1.50
180	Nguyễn Thông	Trần Nhật Duật	Trần Văn Phú	1.50
181	Nguyễn Thượng Hiền	Lê Quý Đôn	Hoàng Minh Thảo	1.50
182	Nguyễn Tiểu La	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	1.50
183	Nguyễn Trác	Nguyễn Khuyến	Thửa 22, TBĐ 31	1.50
184	Nguyễn Trãi	Phan Bội Châu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường (Gần suối Ea Nuôl)	1.50
185	Nguyễn Tri Phương	Phan Bội Châu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Hết đường (suối)	1.50
186	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Tri Phương	Trương Công Định	1.50
		Trương Công Định	Hết đường	1.50
187	Nguyễn Trường Tộ	Y Wang	Cống thoát nước	1.50
		Cống thoát nước	Hết đường	1.50
188	Nguyễn Tuân	Lê Duẩn	Hết đường	1.50
189	Nguyễn Văn Bé	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Văn Trỗi	1.50
190	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Tất Thành	Cầu Ea Nao	1.50
		Cầu Ea Nao	Nguyễn Lương Bằng	1.50
191	Nguyễn Văn Linh	Hết vòng xoay ngã 3 nhà máy bia Sài Gòn	Ranh giới xã Ea Tu	1.50
192	Nguyễn Văn Trỗi	Phan Chu Trinh	Y Jút	1.50
193	Nguyễn Viết Xuân	Lê Duẩn	Mai Hắc Đế	1.50
194	Nguyễn Xuân Nguyên	Nguyễn Chí Thanh	Đường bao quanh Khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc	1.50
		Đường bao quanh Khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc	Hết địa bàn phường Tân An	1.50
195	Nơ Trang Gưh	Phan Bội Châu	Quang Trung	1.50
		Quang Trung	Mai Xuân Thưởng	1.50
196	Nơ Trang Long	Ngã sáu trung tâm	Lê Hồng Phong	1.70
197	Ông Ích Khiêm	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
198	Phạm Hồng Thái	Lê Duẩn	Đỉnh Tiên Hoàng	1.50
		Đỉnh Tiên Hoàng	Hết đường	1.50
199	Phạm Hùng	Nguyễn Chí Thanh	Hà Huy Tập	1.50
200	Phạm Ngọc Thạch	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
201	Phạm Ngũ Lão	Hoàng Diệu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Nguyễn Thị Minh Khai	Cầu ranh giới xã Cư Ê Bur	1.50
202	Phạm Phú Thứ	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	1.50
203	Phạm Văn Bạch	Nguyễn Thị Định	Lô E8, TBĐ số độc lập	1.50
204	Phạm Văn Đồng	Giáp ranh phường Tân Lập	Hết Quỹ Tín dụng phường Tân Hòa	1.50
		Hết Quỹ Tín dụng phường Tân Hòa	Nguyễn Sinh Sắc	1.50
		Nguyễn Sinh Sắc	Giáp ranh xã Ea Tu	1.50
205	Phan Bội Châu	Nguyễn Tất Thành	Lê Hồng Phong	1.50
		Lê Hồng Phong	Mạc Thị Bưởi	1.50
		Mạc Thị Bưởi	Nguyễn Tri Phương	1.50
		Nguyễn Tri Phương	30 tháng 4	1.50
206	Phan Chu Trinh	Ngã sáu Trung tâm	Trần Hưng Đạo	1.50
		Trần Hưng Đạo	Trần Cao Vân	1.50
		Trần Cao Vân	Lê Thị Hồng Gấm	1.10
207	Phan Đăng Lưu	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
208	Phan Đình Giót	Lê Duẩn	Lê Hồng Phong	1.50
209	Phan Đình Phùng	Phan Bội Châu	An Dương Vương	1.50
		An Dương Vương	Hết đường	1.50
210	Phan Huy Chú	Lê Duẩn	Hoàng Hữu Nam	1.50
		Hoàng Hữu Nam	Hết địa bàn phường Khánh Xuân	1.50
211	Phan Kế Bính	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	1.50
212	Phan Kiệm	Lê Duẩn	Hết đường	1.50
213	Phan Phù Tiên	Mai Hắc Đế	Hết đường	1.50
214	Phan Trọng Tuệ	95 Ybih Alêô	Tôn Đức Thắng	1.50
215	Phan Văn Đạt	Võ Văn Kiệt	Ngã 4 giao với đường rộng 8 m (Cách Võ Văn Kiệt 50m)	1.50
		Ngã 4 giao với đường rộng 8 m (Cách Võ Văn Kiệt 50m)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Bá Thanh (Thửa 5, TBĐ số 98)	1.50
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Bá Thanh (Thửa 5, TBĐ số 98)	Ngã tư hẻm 83 Tô Hữu	1.50
		Ngã tư hẻm 83 Tô Hữu	Hết đường (Thửa 193, TBĐ số 61)	1.50
216	Phan Văn Khoẻ	Lê Thánh Tông	Hết đường	1.50
217	Phó Đức Chính	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
218	Phù Đồng	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
219	Phùng Chí Kiên	Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1.50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1.50
220	Phùng Hưng	Lê Duẩn	Săm Brăm	1.50
		Săm Brăm	Hết đường	1.50
221	Pi Năng Tắc	Y Ni K'Sor	Hết đường	1.50
222	Quang Trung	Phan Chu Trinh	Lê Hồng Phong	1.70
		Lê Hồng Phong	Xô Viết Nghệ Tĩnh	1.50
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Trần Bình Trọng	1.50
		Trần Bình Trọng	Nơ Trang Gùh	1.50
		Nơ Trang Gùh	Mạc Đĩnh Chi	1.50
223	Rơ Chăm Yon	Mậu Thân	Hẻm 723 Phạm Văn Đồng	1.50
224	Săm Brăm	Đặng Văn Ngữ	Hết đường	1.50
225	Siu Bleh	Y Nuê	Lê Chân	1.50
226	Sư Vạn Hạnh	Lê Thánh Tông	Nguyễn Thi	1.50
227	Sương Nguyệt Ánh	Trần Quang Khải	Nguyễn Đình Chiểu	1.50
228	Tạ Quang Bửu	Nguyễn Phúc Chu	Hết ranh giới thửa 303, TBD số 3	1.50
229	Tản Đà	Phan Chu Trinh	Lê Thánh Tông	1.50
230	Tán Thuật	Đinh Tiên Hoàng	Phạm Hồng Thái	1.50
231	Tăng Bạt Hổ	Nguyễn Đình Thi	Lê Cảnh Tuân	1.50
		Lê Cảnh Tuân	Hết đường	1.50
232	Tây Sơn	Số 53 Giải Phóng	Bạch Đằng	1.50
		Bạch Đằng	Vạn Xuân	1.50
233	Thái Phiên	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
234	Thăng Long	Đinh Tiên Hoàng (Gần Cầu chui)	Đinh Tiên Hoàng (Gần Cổng số 1)	1.50
235	Thế Lữ	Phạm Văn Đồng	Hết đường	1.50
236	Thị Sách	Ama Khê	Sang 2 phía đường Ama Khê	1.50
237	Thủ Khoa Huân	Mai Xuân Thưởng	30 tháng 4	1.50
		30 tháng 4	Nguyễn Thị Định	1.50
238	Tô Hiến Thành	Trần Nhật Duật	Trần Văn Phú	1.50
239	Tô Hiệu	Lê Thánh Tông	Lê Thị Hồng Gấm	1.50
		Lê Thị Hồng Gấm	Ngô Gia Tự	1.50
240	Tổ Hữu	Ngã ba Duy Hòa, Võ Văn Kiệt	Hẻm 38 Tổ Hữu	1.50
		Hẻm 38 Tổ Hữu	Hết ranh giới phường Khánh Xuân	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
241	Tô Vĩnh Diện	Mai Hắc Đế	Hết đường	1.50
242	Tôn Đức Thắng	Tú Xương	Hết Lô L6 Khu dân cư Tôn Đức Thắng	1.50
		Đối diện nhà hàng Đại Ngân (Khu dân cư 47 Lý Tự Trọng)		1.50
		Kpă Púi (Trước Công ty cấp nước Đắk Lắk)	Ngô Gia Tự	1.50
		Lê Quý Đôn	Đồng Khởi	1.50
243	Tôn Thất Thuyết	Nguyễn Lương Bằng	Chợ Tân Phong	1.50
244	Tôn Thất Tùng	Lê Vụ	Trương Quang Giao	1.50
245	Tổng Duy Tân	Trần Nhật Duật	Trần Văn Phú	1.50
246	Trần Bình Trọng	Quang Trung	Phan Bội Châu	1.50
		Phan Bội Châu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường	1.50
247	Trần Cao Vân	Lê Thánh Tông	Phan Chu Trinh	1.50
		Phan Chu Trinh	Văn Cao	1.50
		Văn Cao	Nguyễn Khuyến	1.50
248	Trần Đại Nghĩa	Lý Thái Tổ	Lý Chính Thắng	1.50
249	Trần Huy Liệu	Mai Hắc Đế	Y Ớn	1.50
250	Trần Hưng Đạo	Phan Chu Trinh	Nguyễn Tất Thành	1.50
		Nguyễn Tất Thành	Hùng Vương	1.50
251	Trần Hữu Dực	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Khánh Dư	1.50
252	Trần Hữu Trang	Trần Quang Khải	Nguyễn Đình Chiểu	1.50
253	Trần Khánh Dư	Trường Chinh	Phan Chu Trinh	1.50
254	Trần Khát Chân	Hoàng Diệu	Trần Phú	1.50
255	Trần Kiên	Phạm Văn Đồng	Lê Cảnh Tuân	1.50
		Lê Cảnh Tuân	Hết đường	1.50
256	Trần Nguyên Hân	Thăng Long	Đình Tiên Hoàng	1.50
257	Trần Nhân Tông	Phan Huy Chú	Thửa 27, TBĐ số 84	1.50
258	Trần Nhật Duật	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1.50
		Phan Chu Trinh	Nguyễn Khuyến	1.50
259	Trần Phú	Phan Chu Trinh	Lê Hồng Phong	1.50
		Lê Hồng Phong	Nguyễn Trãi	1.50
		Nguyễn Trãi	Ngô Mây	1.50
		Ngô Mây	Trương Công Định	1.50
		Trương Công Định	Hẻm 383 Trần Phú	1.50
		Hẻm 383 Trần Phú	Hết đường (Hết cánh đồng rẽ trái ra đường Nguyễn Thị Định)	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
260	Trần Quang Diệu (Khu tái định cư Mai Xuân Thưởng)			1.50
261	Trần Quang Khải	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1.50
262	Trần Quốc Thảo	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
263	Trần Quốc Toàn	Trần Văn Phụ	Trần Nhật Duật	1.50
264	Trần Quý Cáp	Y Nuê	Bên phải: Mai Thị Lựu; Bên trái: Hẻm 135 Trần Quý Cáp	1.50
		Bên phải: Mai Thị Lựu; Bên trái: Hẻm 135 Trần Quý Cáp	Võ Nguyên Giáp	1.50
		Võ Nguyên Giáp	Ranh giới Khu dân cư tập thể Công An tỉnh Đắk Lắk	1.50
		Ranh giới Khu dân cư tập thể Công An tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Văn Cừ	1.50
265	Trần Văn Phụ	Phan Chu Trinh	Nguyễn Khuyến	1.50
266	Trịnh Văn Cẩn	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	1.50
267	Trương Công Định	Phan Bội Châu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Hết đường	1.50
268	Trương Đăng Quế	Trần Văn Phụ (kéo dài)	Y Moan Êñuôl	1.50
269	Trương Hán Siêu	Phan Bội Châu	Trương Công Định	1.50
270	Trương Quang Giao	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	1.50
271	Trương Quang Tuân	Lê Vụ	Trương Quang Giao	1.50
272	Trường Chinh	Bà Triệu	Lê Thị Hồng Gấm	1.50
273	Tú Xương	Trường Chinh	Lê Thánh Tông	1.50
274	Tuệ Tĩnh	Lê Duẩn	Cầu Tuệ Tĩnh	1.50
		Cầu Tuệ Tĩnh	Mai Thị Lựu	1.50
275	Vạn Xuân	Giải Phóng	Tây Sơn	1.50
		Tây Sơn	30 Tháng 4	1.50
276	Văn Cao	Trần Nhật Duật	Trần Văn Phụ	1.50
277	Văn Tiến Dũng	Nguyễn Chí Thanh	Lý Thái Tổ	1.50
278	Võ Duy Thanh	Ngô Gia Tự	Chu Văn An	1.50
279	Võ Thị Sáu	Nguyễn Văn Cừ	Hết đường	1.50
280	Võ Trung Thành	Y Ngông	Lương Thế Vinh	1.50
281	Võ Văn Kiệt	Phan Huy Chú	Cầu Duy Hòa	1.50
		Cầu Duy Hòa	Bên phải: Hết thửa đất 18, tờ BĐ số 142; Bên trái: Đến đường Tổ Hữu	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Bên phải: Hết thửa đất 18, tờ BĐ số 142; Bên trái: Đến đường Tổ Hữu	Hết ranh giới đất Trường tiểu học Trần Cao Vân	1.50
		Hết ranh giới đất Trường Trần Cao Vân	Hết địa bàn phường Khánh Xuân	1.50
282	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Cầu suối Đốc học	Quang Trung	1.50
		Quang Trung	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Cổng bệnh viện Thành phố cũ	1.50
283	Xuân Diệu	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Công Hoan	1.50
284	Xuân Thủy	Phạm Văn Đồng	Hết đường	1.50
285	Y Bìn	Y Ni K'Sor	Hết đường	1.50
286	Y Bih Alêo	Trần Hưng Đạo	Lê Thị Hồng Gấm	1.50
287	Y Đôn	Y Nuê	Ấu Cơ	1.50
288	Y Jôn Niê	Y Nuê	Hết khu dân cư buôn Mduk	1.50
		Hết khu dân cư buôn Mduk	Thửa 22, tờ BĐ số 124	1.50
		Thửa 22, tờ BĐ số 124	Hết địa bàn phường Ea Tam	1.50
289	Y Jút	Nguyễn Công Trứ	Phan Bội Châu	1.70
		Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1.50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Văn Trỗi	1.50
		Nguyễn Văn Trỗi	Hết nhà số 335 Y Jút	1.50
		Hết nhà số 335 Y Jút	Hết đường (Gần suối Ea Nuôl)	1.50
290	Y Khu	Y Ni K'Sor	Hết đường	1.50
291	Y Linh Niê Kdăm	Trường tiểu học Kim Đồng	Thế Lữ	1.50
292	Y Moan Ê'nuôl	Phan Chu Trinh	Hội trường Tổ dân phố 6A, Tân Lợi	1.50
		Hội trường Tổ dân phố 6A, Tân Lợi	10 tháng 3	1.50
		10 tháng 3	Giáp ranh xã Cư Ebur	1.50
293	Y Ngông	Lê Duẩn	Dương Văn Nga	1.50
		Dương Văn Nga	Mai Xuân Thưởng	1.50
294	Y Ngông nổi dài	Mai Xuân Thưởng	Nguyễn Thị Định	1.50
295	Y Ni K'Sor	Ama Jhao	Hùng Vương	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
296	Y Nuê	Lê Duẩn	Hết đường	1.50
297	Y Ổn	Lê Duẩn	Hết đường	1.50
298	Y Plô Ê Ban	Ama Khê	Hết đường	1.50
299	Y Som Êban	Y Ni K'Sor	Hết đường	1.50
300	Y Thuyền K'Sor	Y Ni K'Sor	Hết đường	1.50
301	Y Tlam Kbuôr	02 Lý Tự Trọng	Ngô Gia Tự	1.50
302	Y Út Niê	Phan Chu Trinh	Nguyễn Khuyến	1.50
303	Y Wang	Lê Duẩn	Bên phải hẻm 112 và bên trái hẻm 173 đường Y Wang	1.50
		Hẻm 125 đường Y Wang	Cầu Ea Kniêr	1.50
304	Yết Kiêu	Nguyễn Tri Phương	Hết đường	1.50
305	Đường giao thông Quốc lộ 14 đoạn nối từ Lê Duẩn - Võ Văn Kiệt	Lê Duẩn - Phan Huy Chú	Đường 30/4 - Võ Văn Kiệt	1.20
306	Đường nội bộ (Song song đường Ngô Quyền) Khu dân cư Tôn Đức Thắng	Lý Tự Trọng	Ngô Gia Tự	1.20
307	Đường nối Nguyễn Văn Linh với Hà Huy Tập (Ranh giới phường Tân An với xã Ea Tu)	Nguyễn Văn Linh	Hà Huy Tập	1.50
308	Đường bao quanh Khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc tại Tổ dân phố 7, phường Tân An			
	- Đường giao thông quy hoạch 24m	Nguyễn Chí Thanh	Hết thửa 147, tờ BĐ số 48	1.20
		Hết thửa 147, tờ BĐ số 48	Nguyễn Xuân Nguyên	1.40
309	Đường nội bộ (Song song đường Ngô Quyền) Khu dân cư Tôn Đức Thắng	Trần Nhật Duật	Lê Thị Hồng Gấm	1.20
		Trần Nhật Duật	Phan Trọng Tuệ	1.20
310	Đường trục chính vào buôn Akô D'hông (Đi qua nhà hàng Yang Sin)	Nguyễn Khuyến	Ngã ba nhà Văn hoá cộng đồng	1.20

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
311	Đường nội bộ trong buôn Akô D'hông			
	- Đường nối dài với trục chính của buôn (Từ nhà văn hóa cộng đồng đến Nguyễn Đình Chiểu nối dài)			1.40
	- Đường song song với trục chính của buôn (Từ đường Trục chính đến đường nối dài)			1.40
312	Khu dân cư 560 Lê Duẩn			
	- Đường nội bộ khu dân cư (Rộng 10m)			1.40
313	Khu dân cư buôn Mduk P. Ea Tam			
	- Đường bao quanh khu dân quy hoạch cư rộng 18 m			1.20
	- Trục dọc song song Y Jôn Niê rộng 14 m			1.40
	- Các trục ngang giao Y Jôn Niê (quy hoạch rộng 14 m)	Y Jôn Niê	Đến đường bao quy hoạch rộng 18 m	1.50
314	Khu dân cư trường Hành chính cũ, phường Ea Tam			
	- Trục đường N1	Nguyễn Văn Ninh	Đến hẻm 120/26 Y Wang	1.10
	- Trục đường D1	Đến hẻm 120/26 Y Wang	Hết ranh giới quy hoạch khu dân cư trường Hành chính cũ	1.10
315	Khu dân cư chợ Duy Hoà cũ			
	- Đường nội bộ khu dân cư rộng 8m			1.10
316	Khu dân cư 47 Lý Tự Trọng, phường Tân An			
	- Đường ngang nối Tôn Đức Thắng - Tô Hiệu (Rộng 9m)			1.50
317	Khu dân cư Tổ dân phố 1, phường Tân An (Khu đất đấu giá phía sau Sở Công Thương)			
	- Đường quy hoạch 12m	Song song với đường Nguyễn Kinh Chi		1.40
	- Đường quy hoạch 10m	Nguyễn Kinh Chi	Đường quy hoạch rộng 12m	1.30
318	Khu dân cư Km4-Km5, phường Tân An (Khu đất phân lô biệt thự)			
	Đường nội bộ song song đường Nguyễn Thượng Hiền	Văn Tiến Dũng	Hoàng Minh Thảo	1.40
	Đường nội bộ song song đường Hoàng Minh Thảo	Tôn Đức Thắng	Ngô Thị Nhậm	1.40
	Đường nội bộ song song đường Ngô Thị Nhậm	Văn Tiến Dũng	Đoàn Khuê	1.30

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
319	Khu dân cư đường Lê Vự			
	- Đường giao với đường Lê Vự quy hoạch 18m			2.00
	- Đường song song với đường Lê Vự quy hoạch 18m (Giao với hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ)			2.00
320	Khu dân cư Tổ dân phố 9, phường Tân An			
	- Đường giao với hẻm 146 Nguyễn Chí Thanh			1.50
	- Đường giao với đường Dã Tượng			1.50
321	Khu dân cư chợ Tân Hoà	Đường giao nhau với đường Phạm Văn Đồng (QH 75m)		1.50
322	Khu dân cư Tân Phong			
	- Đường quy hoạch rộng 24 m giao với Phạm Văn Đồng (Đường D5, Đường D6)			1.60
	- Đường quy hoạch rộng 24 m song song với Phạm Văn Đồng (Đường N14)			1.60
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 15 m song song với Phạm Văn Đồng			1.50
323	Khu dân cư tập thể Công An tỉnh Đắk Lắk (Trần Quý Cáp)			
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 10m	Giao với đường Trần Quý Cáp		1.60
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 8m, phía giáp suối Ea Nao	Nối với đường quy hoạch rộng 10m		1.60
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 7m	Giao với đường Trần Quý Cáp		1.60
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 7m, phía giáp suối Ea Nao	Vuông góc với đường Trần Quý Cáp		1.60
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 7m	Song song với đường Trần Quý Cáp		1.60
324	Khu dân cư Tổ dân phố 7, Tân Lập			
	- Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp quy hoạch rộng 15,5 m	Trần Quý Cáp	Giao với đường số 7, quy hoạch rộng 11,5 m	1.60

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
	- Đường số 1 quy hoạch rộng 11,5m	Hẻm số 04 Võ Thị Sáu	Đường số 7, quy hoạch rộng 11,5 m	2.00
	- Đường số 2 quy hoạch rộng 15,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường Võ Thị Sáu	2.00
	- Đường số 3 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường số 1 quy hoạch rộng 11,5 m	2.00
	- Đường số 4 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường số 1 quy hoạch rộng 11,5 m	2.00
	- Đường số 5 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường số 1 quy hoạch rộng 11,5 m	2.00
	- Đường số 6 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường số 2 quy hoạch rộng 11,5 m	2.00
	- Đường số 7 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Hết lô LK8-33	1.30
	- Đường số 2 quy hoạch rộng 11,5m	Đường số 2, bao quanh lô LK4	Giao với đường số 2	2.00
	- Đường hẻm số 04 Võ Thị Sáu	Trần Quý Cáp	Hết lô BT2-02	2.00
325	Khu dân cư buôn Păm Lăm - Kôsiêr			
	- Đường ngang quy hoạch rộng 12m	Giao với đường Ama Jhao		2.00
	- Đường ngang quy hoạch rộng 10,5m	Giao với đường Hùng Vương		1.30
	- Đường ngang quy hoạch rộng 12,5m	Giao với đường Hùng Vương		1.30
326	Khu dân cư Tổ dân phố 10, phường Tân Lợi (Cạnh Thi hành án dân sự tỉnh)			
	- Đường ngang nối Hà Huy Tập - Ngô Văn Năm			1.50
327	Khu dân cư Hiệp Phúc			
	- Các đường nối Ngô Văn Năm với Lý Thái Tổ			1.30
328	Khu dân TDP 7, phường Tân Lợi			
	- Đường ngang nội bộ quy hoạch 13,5m	Nguyễn Hữu Thấu	Đinh Lễ	1.40
	- Đường nội bộ quy hoạch 13,5m song song với Nguyễn Hữu Thấu			1.40

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
329	Khu dân cư đường Hà Huy Tập, phường Tân Lợi			
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 13m và 15,5m giao với đường Hà Huy Tập			1.40
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 13m và 14m song song với đường Hà Huy Tập			1.30
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 36m giao với đường Hà Huy Tập			1.40
330	Khu dân cư N1.4 - N1.5, phường Thành Nhất			
	- Đường nội bộ khu dân cư rộng 14 m giáp lô F			1.50
	- Đường nội bộ khu dân cư rộng 14 m giáp lô A			1.50
	- Đường nội bộ khu dân cư rộng 12 m			1.50
331	Khu dân cư Tổ liên gia 33, Tổ dân phố 4, phường Thành Nhất			
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư rộng 12m	Giao với đường Phan Bội Châu		1.30
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư rộng 12m	Song song với đường Phan Bội Châu		1.30
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư rộng 18m-20m	Song song với đường Phan Bội Châu		1.60
332	Khu tái định cư phường Thành Nhất			
	- Đường ngang song song đường Phan Bội Châu			1.40
333	Các đoạn đường nhựa chưa đặt tên cắt ngang đường Ngô Quyền	Nguyễn Đình Chiểu	Lê Thị Hồng Gấm	1.50
334	Hẻm số 554 đường Lê Duẩn (Chỉ áp dụng cho các thửa đất mặt tiền hẻm 554)	Lê Duẩn	Hết đường	1.50
335	Hẻm đường Lê Duẩn (Về phía bên trái): Trong khoảng từ đường Đinh Tiên Hoàng đến Cầu trắng			
	- Hẻm lớn hơn 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm dưới 3 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
336	Hẻm 28 Lê Thị Hồng Gấm	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Kinh Chi	1.30
337	Hẻm 2 Phan Chu Trinh	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1.30

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
338	Hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Văn Cừ	Lê Vụ	1.50
339	Hẻm đường Nguyễn Văn Cừ (Về phía bên phải): Trong khoảng từ Bùng binh Km3 đến cầu Ea Nao			
	- Hẻm lớn hơn 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm dưới 3 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
340	Hẻm 166 Nguyễn Tri Phương (Sơn Khinh cũ)	Nguyễn Tri Phương	Hết đường	1.50
341	Hẻm đường Lê Hồng Phong (Phía dọc suối Đốc học): Trong khoảng từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Quang Trung			1.50
	- Hẻm lớn hơn 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm dưới 3 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
342	Hẻm đường Hồ Tùng Mậu (Về phía bên phải): Trong khoảng từ đường Lê Hồng Phong đến hết hẻm 52 Hồ Tùng Mậu			
	- Hẻm lớn hơn 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm 52 Hồ Tùng Mậu (đoạn 1) từ đường Hồ Tùng Mậu đến thửa đất số 58, 59, 60, tờ bản đồ 16			1.50
	- Hẻm 52 Hồ Tùng Mậu (đoạn 2) từ thửa đất số 102, tờ bản đồ 16 đến hẻm 105 đường Lê Hồng Phong			1.50
	- Hẻm dưới 3 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
343	Hẻm đường Quang Trung (Về phía bên trái): Trong khoảng từ đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến đường Đinh Công Tráng			1.50
	- Hẻm lớn hơn 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm dưới 3 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
344	Hẻm đường Đinh Tiên Hoàng (Về phía bên trái)			
	- Hẻm 131	Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Du	1.50
	- Hẻm 185	Đinh Tiên Hoàng	Bùi Huy Bích	1.50
	- Hẻm 203	Đinh Tiên Hoàng	Hết đường	1.50
345	Hẻm 02 Nguyễn Đình Chiểu (đối diện Nhà thi đấu tỉnh): Nguyễn Đình Chiểu đến hết đường (Nhà sách Giáo dục)			1.30
346	Các thửa đất tiếp giáp với hẻm số 51, đường Nguyễn Tất Thành: Tính theo quy định đối với hẻm đường Nguyễn Tất Thành			

II. ĐẤT Ở NÔNG THÔN

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
I	Xã Hòa Thuận			
1	Quốc lộ 14	Hết cầu Đạt lý	Đường 5A thôn 2 và đường 7B thôn 5	1.30
		Đường 5A thôn 2 và đường 7B thôn 5	Hết UBND xã Hòa Thuận	1.30
		Hết UBND xã Hòa Thuận	Hết địa bàn TP. Buôn Ma Thuột	1.20
2	Đường vào thôn Kiên Cường	Quốc lộ 14	Đến đập hồ Đạt lý	1.30
3	Đường rộng từ 5m trở lên			1.30
4	Đường rộng dưới 5m			1.30
II	Xã Cư Ebur			
1	Tỉnh lộ 5	Cầu ranh giới xã Cư Êbur	Hết trụ sở UBND xã	1.60
		Hết trụ sở UBND xã	10 tháng 3	1.60
		10 tháng 3	Ngã ba đường vào thôn 8	1.60
		Ngã ba đường vào thôn 8	Ranh giới huyện Buôn Đôn	1.60
2	Các trục đường chính tại xã Cư ÊBur			
	Đường A	Tỉnh lộ 5	10 tháng 3	1.30
		Tỉnh lộ 5	Đường giải phóng cũ	1.30
	Đường B	Tỉnh lộ 5	10 tháng 3	1.30
		10 tháng 3	Hết khu dân cư (Giáp đường dây 500KV)	1.30
		Tỉnh lộ 5	Đường giải phóng cũ	1.30
	Đường C	Tỉnh lộ 5	Cổng trước Nhà thờ Châu Sơn	1.30
		Cổng sau Nhà thờ Châu Sơn	10 tháng 3	1.30
		10 tháng 3	Hết địa bàn thôn 3	1.30
	Đường D	Tỉnh lộ 5	Hết khu dân cư (Giáp 10 tháng 3)	1.30
3	Đường A1, A2, A3 (Buôn Đung)			1.30
4	Đường A4, A5, A6, A7 (Buôn Đung)			1.30
5	Đường A8, A9, A10, A11, A12, A13, A14 (Buôn Đung)			1.30
6	Đường liên thôn	Ngã ba tượng thánh Gioan	Ngã ba tỉnh lộ 5	1.30
7	Giải phóng (Đoạn xã Cư ÊBur)	Giáp ranh phường Tân Lợi	10 tháng 3	1.30

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
8	Y Moan Ênuôl nối dài	Giáp ranh phường Tân Lợi	Đường trục 2 buôn Dĩa Prông	1.50
9	Đường giao thông trục 1 buôn Dĩa Prông	Y Moan Ênuôl về phía bên trái	Hết thửa đất số 25, 70 tờ BĐ số 68	1.20
		Y Moan Ênuôl về phía bên phải	Hết thửa đất số 139, 576 tờ BĐ số 70	1.20
10	Đường giao thông trục 2 buôn Dĩa Prông	Y Moan Ênuôl về phía bên trái	Hết thửa đất số 181, tờ BĐ số 24 và thửa đất số 5, tờ BĐ số 35	1.20
		Y Moan Ênuôl về phía bên phải	Hết địa giới xã Cư ÊBur	1.20
11	10 tháng 3	Đoạn qua xã Cư ÊBur		1.10
12	Đất khu dân cư còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1.30
	Đường rộng dưới 5m			1.30
13	Đất khu dân cư còn lại (Thôn 8)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1.30
	Đường rộng dưới 5m			1.30
III	Xã Ea Tu			1.30
1	Nguyễn Văn Linh (Quốc lộ 14)	Bắt đầu từ ranh giới xã Ea Tu	Hết cầu Đạt lý	1.30
		Hết cầu Đạt Lý	Hết địa bàn xã Ea Tu	1.30
2	Đường giao thông qua UBND xã Ea Tu	Nguyễn Văn Linh	Ngã ba đường đi Liên Doanh 2 buôn Krông A	1.30
		Ngã ba đường đi Liên Doanh 2 buôn Krông A	Hết ngã tư sân bóng Buôn Ko Tam	1.30
		Hết ngã tư sân bóng Buôn KoTam	Quốc lộ 26	1.30
3	Phạm Văn Đồng (Quốc lộ 26)	Hết địa bàn phường Tân Hòa	Hết địa bàn TP Buôn Ma Thuột	1.30
4	Đường nối Nguyễn Văn Linh với Hà Huy Tập (Ranh giới phường Tân An với xã Ea Tu)	Nguyễn Văn Linh	Hết ranh giới xã Ea Tu	1.30
5	Đường vào thôn Kiên Cường, xã Hòa Thuận	Quốc lộ 14	Ngã ba nhà ông Phan Thanh Hiền (Thửa 133, TĐĐ số 47)	1.30
6	Đất khu dân cư còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1.30
	Đường rộng dưới 5m			1.30

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
IV	Xã Hòa Thắng			
1	Đam San	Nguyễn Thái Bình	Cổng Sân bay Buôn Ma Thuột	2.00
2	Nguyễn Lương Bằng	Cầu km5	Ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ)	1.40
		Ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ)	Nguyễn Thái Bình	2.00
3	Nguyễn Thái Bình	Nguyễn Lương Bằng	Đường vào buôn Kom Leo	2.00
		Đường vào buôn Kom Leo	Hết thửa đất số 397; 410, tờ bản đồ 83	1.20
		Hết thửa đất số 397; 410, tờ bản đồ 83	Hết địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	1.20
4	Đường vào Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ)	Nguyễn Lương Bằng	Nhà bà Châu (Thửa 45, TBĐ số 49)	1.40
5	Đường vào buôn Kom Leo	Doanh trại Bộ đội Thôn 5	Hết khu dân cư thôn 4	1.30
6	Đường vào buôn Ea Chu Kấp	Ngã ba (Số 173 Nguyễn Thái Bình)	Ngã ba nhà ông Bùi Văn Hùng (Thửa 133, TBĐ số 74)	1.20
7	Đường vào buôn Ea Chu Kấp	Ngã ba (Trụ sở Công ty Việt Thắng)	Đất nông nghiệp Công ty Việt Thắng cũ (Thửa 20, TBĐ số 28)	1.20
8	Các hẻm cấp đường Nguyễn Lương Bằng (Cả 2 bên), đoạn từ Cầu km5 đến Ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ)			1.20
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
9	Các hẻm cấp 1 đường Nguyễn Lương Bằng, đoạn từ Ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ) đến Nguyễn Thái Bình			
	* Phía thôn 2, thôn 3			
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
	* Phía ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ) đến đường Đam San			1.20
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
10	Các hẻm cấp 1 đường Nguyễn Thái Bình, đoạn từ Nguyễn Lương Bằng đến đường vào buôn Kom Leo			1.20
	* Phía thôn 3, thôn 5			1.20
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
	* Phía thôn 8, thôn 9			1.20
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
11	Các hẻm cấp 1 đường Nguyễn Thái Bình (Cả 2 bên), đoạn từ đường vào buôn Kom Leo đến Bên trái ranh giới Trụ sở Công ty Việt Thắng, bên phải đường vào thôn 4 (Đội 2 cũ) dài khoảng 300m			1.20
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
12	Các hẻm cấp 1 đường Nguyễn Thái Bình (cả 2 bên) đoạn từ bên trái ranh giới Trụ sở Công ty Việt Thắng, bên phải đường vào thôn 4 (Đội 2 cũ) đến hết địa bàn xã Hoà Thắng dài khoảng 300m			
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.30
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.30
13	Khu dân cư 2,9 ha thôn 11 xã Hoà Thắng			
	Đường giao với đường Nguyễn Lương Bằng			1.30
	Đường song song với đường Nguyễn Lương Bằng			1.30
14	Các tuyến đường trong khu dân cư còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1.30
	Đường rộng dưới 5m			1.30
V	Xã Ea Kao			
1	Y Wang (Nối dài)	Cầu Ea Kniêr	Hết Bưu điện (Ngã 3 đi Thôn 4, xã Ea Kao)	1.30
		Hết Bưu điện (Ngã 3 đi Thôn 4, xã Ea Kao)	Đập Ea Kao	1.30
2	Đường trục chính xã Ea Kao (đi qua thôn 4)	Y Wang	Ngã ba đi Lâm Viên	1.30
		Ngã ba đi Lâm Viên	Hết địa bàn TP Buôn Ma Thuột	1.30
3	Đường giao thông đi vào thôn Cao Thành	Y Wang	Mương thủy lợi N2	1.30
4	Đường giao thông đập hồ Ea Kao			1.20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
5	Đất khu dân cư còn lại dọc 2 bên đường trục chính xã Ea Kao (Đoạn từ cầu Kniêr đến hết ngã ba Bru Điện)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1.20
	Đường rộng dưới 5m			1.20
6	Đất khu dân cư còn lại dọc 2 bên đường trục chính xã Ea Kao (Đoạn từ Ngã ba Bru điện đến hết địa bàn TP Buôn Ma Thuột)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1.20
	Đường rộng dưới 5m			1.40
VI	Xã Hòa Phú			
1	Quốc lộ 14	Giáp xã Hòa Khánh	Ngã 3 đường đi xã Hoà Xuân	1.20
		Ngã 3 đường đi xã Hoà Xuân	Ngã 3 đường và hầm đá	1.20
		Ngã 3 đường và hầm đá	Ngã 3 đường vào Làng Thái và đường vào thủy điện Buôn Kuốp	1.20
		Ngã 3 đường vào Làng Thái và đường vào thủy điện Buôn Kuốp	Cầu Sêrêpôk	1.20
2	Đường vào hầm đá	Quốc lộ 14	Hội trường thôn 11	1.20
3	Đường vào Buôn Tuôr	Quốc lộ 14	Chi hội tin lành Buôn Tuôr	1.20
4	Đường vào thủy điện Hòa Phú	Quốc lộ 14	Nghĩa địa làng Thái	1.20
		Nghĩa địa làng Thái	Ngã 3 thủy điện Hòa Phú	1.20
5	Đường vào xóm Hội phụ Lão	Quốc lộ 14	Cuối xóm Hội phụ Lão (Thôn 12)	1.20
6	Đường vào làng Thái	Quốc lộ 14	Nhà ông Hà Văn Danh	1.20
7	Đường đi thủy điện Buôn Kuốp	Quốc lộ 14	Suối Ea Tuôr	1.20
8	Đường giao thông	Quốc lộ 14	Cầu buôn M'rê	1.20
9	Đất khu dân cư còn lại			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1.20
	Đường rộng dưới 5m			1.20
VII	Xã Hòa Khánh			
1	Tổ Hữu (Tỉnh lộ 2)	Hết ranh giới phường Khánh Xuân	Cầu thôn 4 xã Hòa Khánh	1.20
		Cầu thôn 4 xã Hòa Khánh	Hết địa bàn TP. Buôn Ma Thuột	1.20
2	Quốc lộ 14	Hết địa bàn phường Khánh Xuân	Đến ranh giới xã Hòa Phú	1.20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
3	Đường liên xã đi Ea Kao	Tỉnh lộ 2 (thửa số 1128; 1137, tờ bản đồ số 15)	Giáp ranh xã Ea Kao	1.20
4	Đường nối QL 14 với tỉnh lộ 2	Quốc lộ 14	Tỉnh lộ 2	1.20
5	Đất khu dân cư còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1.20
	Đường rộng dưới 5m			1.20
VIII	Xã Hòa Xuân			
1	Đường giao thông	Cầu buôn M'rê	Đầu địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	1.30
		Đầu địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	Hết địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	1.30
		Hết địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	Ranh giới huyện Buôn Đôn	1.30
		Cầu Buôn Cư Dluê	Hết ranh giới trường THCS Hòa Xuân	1.30
		Hết ranh giới trường THCS Hòa Xuân	Hết địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	1.20
		Hết địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	Trụ sở trại lúa giống Hoà Xuân	1.20
2	Đất khu dân cư còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1.30
	Đường rộng dưới 5m			1.30

Phụ lục II

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ BUÔN HỒ
(Kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh)

I. ĐẤT Ở ĐÔ THỊ

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
I	Phường An Lạc			
1	Hùng Vương	Phan Đình Phùng	Nguyễn Văn Cừ	1.00
		Nguyễn Văn Cừ	Trần Cao Vân	1.00
		Trần Cao Vân	Nơ Trang Long	1.00
		Nơ Trang Long	Trần Hưng Đạo	1.00
		Trần Hưng Đạo	Võ Thị Sáu	1.00
		Võ Thị Sáu	Nguyễn Đình Chiểu	1.00
		Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Du	1.00
		Nguyễn Du	Giáp phường Đạt Hiếu	1.00
2	Phan Bội Châu	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Đình Chiểu	1.00
		Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Bình Khiêm	1.00
		Nguyễn Bình khiêm	Nguyễn Du	1.00
3	Nguyễn Du	Hùng Vương	Phan Bội Châu	1.00
		Phan Bội Châu	Tô Vĩnh Diện	1.00
4	Nguyễn Bình Khiêm	Hùng Vương	Phan Bội Châu	1.00
		Phan Bội Châu	Hết đường(Ngô Bá Lân thửa 57, TBĐ 23).	1.00
5	Trần Đại Nghĩa	Hùng Vương	Phan Bội Châu	1.00
		Phan Bội Châu	Bé Văn Đàn	1.00
6	Nguyễn Viết Xuân	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Bình Khiêm	1.00
		Nguyễn Bình khiêm	Nguyễn Du	1.00
		Nguyễn Du	Giáp phường Đạt Hiếu	1.00
7	Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Bình Khiêm	1.00
		Nguyễn Bình khiêm	Nguyễn Du	1.00
8	Nguyễn Đình Chiểu	Hùng Vương	Phan Bội Châu	1.00
		Phan Bội Châu	Hết chùa An Lạc	1.00
		Chùa An Lạc	Ngã ba Trần Hưng Đạo	1.00
9	Kim Đồng	Trần Hưng Đạo	Lê Duẩn	1.00
10	Võ Thị Sáu	Hùng Vương	Trần Hưng Đạo	1.00
11	Trần Hưng Đạo	Hùng Vương	Hai Bà Trưng	1.00
		Hai Bà Trưng	Phan Bội Châu	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Phan Bội Châu	Hết ranh giới chùa An Lạc	1.00
		Hết ranh giới chùa An Lạc	Đầu thửa đất bà Cảnh	1.00
		Đầu thửa đất bà Cảnh	Ngô Đức Kế	1.00
		Ngô Đức Kế	Giáp ranh giới phường Đạt Hiếu	1.00
		Giáp ranh giới phường Đạt Hiếu	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	1.00
		Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	Cầu RôSy	1.00
12	Hai Bà Trưng	Trần Hưng Đạo	Lê Duẩn	1.00
		Lê Duẩn	Nơ Trang Long	1.00
13	Lê Duẩn	Tôn Thất Tùng	Lê Hồng Phong	1.00
		Lê Hồng Phong	Hết đường	1.00
14	Lê Hồng Phong	Hùng Vương	Lê Duẩn	1.00
15	Phạm Văn Đồng	Lê Duẩn	Nơ Trang Long	1.00
16	Ama Khê	Hùng Vương	Hai Bà Trưng	1.00
17	Tôn Thất Tùng	Hùng Vương	Hai Bà Trưng	1.00
18	Nơ Trang Long	Hùng Vương	Lý Tự Trọng	1.00
		Lý Tự Trọng	Nguyễn Hữu Cảnh	1.00
		Nguyễn Hữu Cảnh	Giáp Hải	1.00
		Giáp Hải	Đinh Núp	1.00
		Đinh Núp	Đến Cầu Buôn Tring	1.00
19	Huỳnh Thúc Kháng	Phan Đình Phùng	Trần Cao Vân	1.00
20	Đinh Công Tráng	Huỳnh Thúc Kháng	Lý Tự Trọng	1.00
21	Lý Tự Trọng	Nơ Trang Long	Nguyễn Văn Cừ	1.00
		Nguyễn Văn Cừ	Giáp ranh giới phường Thiện An	1.00
22	Nguyễn Văn Cừ	Hùng Vương	Nguyễn Trung Trực	1.00
		Nguyễn Trung Trực	Lý Tự Trọng	1.00
23	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Văn Cừ	Giáp phường Thiện An	1.00
24	Trần Cao Vân	Hùng Vương	Huỳnh Thúc Kháng	1.00
		Huỳnh Thúc Kháng	Lý Tự Trọng	1.00
25	Phan Đình Phùng	Hùng Vương	Nguyễn Trung Trực	1.00
26	Tô Vĩnh Diện	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Đại Nghĩa	1.00
		Trần Đại Nghĩa	Nguyễn Du	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Nguyễn Du	Nguyễn Đình Chiểu (phía đông Bắc)	1.00
27	Bế Văn Đàn	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Đại Nghĩa	1.00
		Trần Đại Nghĩa	Nguyễn Bình Khiêm	1.00
28	Ngô Đức Kế	Trần Hưng Đạo	Đường xương cá (Lô A và lô B)	1.00
		Đường xương cá (Lô A và lô B)	Đường xương cá (Lô C và lô D)	1.00
		Đường xương cá (Lô C và lô D)	Đường xương cá (Lô F và lô G)	1.00
		Đường xương cá (Lô F và lô G)	Đường xương cá (Lô I)	1.00
29	Đường song song với đường Ngô Đức Kế phía Tây	Trần Hưng Đạo	Đường xương cá (Lô A và lô B)	1.00
		Đường xương cá (Lô A và lô B)	Đường xương cá (Lô C và lô D)	1.00
		Đường xương cá (Lô C và lô D)	Đường xương cá (Lô F và lô G)	1.00
		Đường xương cá (Lô F và lô G)	Đường xương cá (Lô I)	1.00
30	Đường xương cá (Lô A)	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Tây	Hết đất ông Hoa Dư (tại thửa 03; TBĐ 01).	1.00
31	Đường xương cá (Lô A và lô B)	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Tây	Ngô Đức Kế	1.00
		Ngô Đức Kế	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Đông	1.00
32	Đường xương cá (Lô B)	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Tây	Ngô Đức Kế	1.00
33	Đường xương cá (Lô C)	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Tây	Ngô Đức Kế	1.00
34	Đường xương cá (Lô C và lô D)	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Tây	Ngô Đức Kế	1.00
		Ngô Đức Kế	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Đông	1.00
35	Đường xương cá (Lô D và lô E)	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Tây	Ngô Đức Kế	1.00
36	Đường xương cá (Lô E và lô F)	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Tây	Ngô Đức Kế	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
37	Đường xương cá (Lô F và lô G)	Đường song song với Ngõ Đức Kế phía Tây	Ngõ Đức Kế	1.00
38	Đường xương cá (Lô G và lô H)	Đường song song với Ngõ Đức Kế phía Tây	Ngõ Đức Kế	1.00
39	Đường xương cá (Lô H và lô I)	Đường song song với Ngõ Đức Kế phía Tây	Ngõ Đức Kế	1.00
41	Đường xương cá (Lô I)	Đường song song với Ngõ Đức Kế phía Tây	Ngõ Đức Kế	1.00
41	Trần Quốc Thảo	Trần Hưng Đạo	Đường xương cá số 0	1.00
		Đường xương cá số 0	Đường xương cá số 1	1.00
		Đường xương cá số 1	Đường xương cá số 2	1.00
		Đường xương cá số 2	Đường xương cá số 3	1.00
		Đường xương cá số 3	Đường xương cá số 4	1.00
42	Đường xương cá số 0			1.00
43	Đường xương cá số 1			1.00
44	Đường xương cá số 2			1.00
45	Đường xương cá số 3			1.00
46	Đường xương cá số 4			1.00
47	Nguyễn Hữu Tiên	Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo + 50 m	1.00
		Trần Hưng Đạo + 50 m	Trần Hưng Đạo + 150 m	1.00
		Trần Hưng Đạo + 150 m	Hết đường(giáp đất Lê Minh Thuận thửa 50, TĐĐ 02)	1.00
48	Đường song song nằm giữa đường Trần Quốc Thảo và Nguyễn Hữu Tiên	Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo + 50 m	1.00
		Trần Hưng Đạo + 50 m	Trần Hưng Đạo + 150 m	1.00
		Trần Hưng Đạo + 150m	Hết đường(theo QH giao Thông).	1.00
49	Võ Văn Tàn	Trần Hưng Đạo	Hết ranh giới đất ông Trần Ngọc Hiếu (thửa đất số 19, TĐĐ 3)	1.00
		Hết ranh giới đất ông Trần Ngọc Hiếu (thửa đất số 19, TĐĐ 3)	Hết ranh giới đất ông Dương Trung Hiếu (thửa đất số 57, TĐĐ 3)	1.00
		Hết ranh giới đất ông Dương Trung Hiếu (thửa đất số 57, TĐĐ 3)	Hết ranh giới đất ông Nguyễn Văn Trần (thửa đất số 100, TĐĐ 3)	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Hết ranh giới đất ông Nguyễn Văn Trần (thửa đất số 100, TĐĐ 3)	Đường Tô Hiệu (hết đất bà Tiêu).	1.00
50	Tô Hiệu	Võ Văn Tần	Tiếp giáp với đường song song nằm giữa đường Trần Quốc Thảo và Nguyễn Hữu Tiên	1.00
51	Thi Sách	Nơ Trang Long	Phan Kiệm	1.00
		Phan Kiệm	Phạm Phú Thứ	1.00
		Phạm Phú Thứ	Hết đất Bé Văn Minh(thửa 86, TĐĐ 10).	1.00
52	Nguyễn Hữu Cảnh	Nơ Trang Long	Phan Kiệm	1.00
		Phan Kiệm	Hết đường (hết đất nhà ông Y B Lom)	1.00
53	Lê Đại Hành	Nơ Trang Long	Phan Kiệm	1.00
		Phan Kiệm	Phạm Phú Thứ	1.00
		Phạm Phú Thứ	Hết đường (hết đất nhà bà A Mí Sa)	1.00
54	Y Ngông Niê Kdăm	Nơ Trang Long	Phan Kiệm	1.00
		Phan Kiệm	Phạm Phú Thứ	1.00
		Phạm Phú Thứ	Hết đường (giáp hồ Ea Hrah)	1.00
55	Bùi Hữu Nghĩa	Nơ Trang Long	Phan Kiệm	1.00
		Phan Kiệm	Phạm Phú Thứ	1.00
		Phạm Phú Thứ	Y Ngông Niê Kdăm	1.00
56	Giáp Hải	Nơ Trang Long	Phan Kiệm	1.00
		Phan Kiệm	Phạm Phú Thứ	1.00
		Phạm Phú Thứ	Trần Khánh Dư	1.00
57	Huỳnh Văn Bánh	Nơ Trang Long	Phan Kiệm	1.00
		Phan Kiệm	Phạm Phú Thứ	1.00
		Phạm Phú Thứ	Hết đường (giáp hồ Ea Hrah)	1.00
58	Nguyễn Hiền	Nơ Trang Long	Phan Kiệm	1.00
		Đường Phan Kiệm	Phạm Phú Thứ	1.00
		Phạm Phú Thứ	Hết đường (giáp hồ Ea Hrah)	1.00
59	Trần Khánh Dư	Nơ Trang Long	Phan Kiệm	1.00
		Phan Kiệm	Phạm Phú Thứ	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Phạm Phú Thứ	Hết đường (giáp hồ Ea Hrah)	1.00
60	Đinh Núp	Nơ Trang Long	Phan Kiệm	1.00
		Phan Kiệm	Phạm Phú Thứ	1.00
		Phạm Phú Thứ	Hết đường (giáp sân vận động)	1.00
61	Trần Cảnh	Nơ Trang Long	Phan Kiệm	1.00
		Phan Kiệm	Phạm Phú Thứ	1.00
		Phạm Phú Thứ	Hết đường (giáp sân vận động)	1.00
62	AMĩ Đoan	Y Ngông Niê Kdăm	Giáp Hải	1.00
		Giáp Hải	Nơ Trang Long	1.00
63	Phan Kiệm	Lý Tự Trọng	Y Ngông Niê Kdăm	1.00
		Y Ngông Niê Kdăm	Giáp Hải	1.00
		Giáp Hải	Hết đường (hết đất nhà ông Y Ju)	1.00
64	Y Đôn	Lý Tự Trọng	Y Ngông Niê Kdăm	1.00
		Y Ngông Niê Kdăm	Giáp Hải	1.00
		Giáp Hải	Hết đường (hết nhà ông Y Dươn)	1.00
65	Phạm Phú Thứ	Lý Tự Trọng	Y Ngông Niê Kdăm	1.00
		Y Ngông Niê Kdăm	Giáp Hải	1.00
		Giáp Hải	Hết đường (giáp suối Krông Buk)	1.00
66	Khu đô thị Đông Nam, đường Trần Hưng Đạo			1.00
	Đường N1	Đường N6	Đường N8	1.00
	Đường N2	Đường N8	Đường N6	1.00
		Đường N6	Trần Quốc Thảo	1.00
	Đường N3	Đường N6	Đường N7	1.00
	Đường N4	Đường N7	Đường N8	1.00
	Đường N5	Đường N7	Đường N8	1.00
	Đường N6	Đường N2	Đường N4	1.00
		Đường N4	Đường N5	1.00
	Đường N7	Đường N3	Đường N5	1.00
	Đường N8	Đường Trần Hưng Đạo	Đường N4	1.00
		Đường N4	Đường N5	1.00
	Đường N10	Đường N8	Đường N7	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
	Đường N12	Đường N1	Đường N2	1.00
		Đường N2	Đường N10	1.00
	Đường N13	Đường N7	Đường N8	1.00
	Đường N14	Đường N7	Đường N8	1.00
	Đường N15	Đường N5	Đường N8	1.00
67	Đường N9	Đường N2	Hết Chi cục thuế	1.00
68	Khu vực còn lại			1.00
II	Phường An Bình			1.00
1	Hùng Vương (Quốc lộ 14)	An Dương Vương	Nguyễn Hữu Thọ	1.00
		Nguyễn Hữu Thọ	Nguyễn Trãi	1.00
		Nguyễn Trãi	Hoàng Diệu	1.00
		Hoàng Diệu	Phạm Ngũ Lão	1.00
		Phạm Ngũ Lão	Hết ranh giới Nhà văn hóa thị xã Buôn Hồ	1.00
		Hết ranh giới Nhà văn hóa thị xã Buôn Hồ	Lê Quý Đôn	1.00
		Lê Quý Đôn	Nguyễn Thị Minh Khai	1.00
		Nguyễn Thị Minh Khai	Trần Nguyên Hân	1.00
2	An Dương Vương	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	1.00
		Nguyễn Tất Thành	Âu Cơ	1.00
3	Nguyễn Đức Cảnh	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	1.00
		Nguyễn Tất Thành	Hết ranh đất nhà bà Lê Thị Xuân Mai tại thửa 98; TBĐ 13)	1.00
4	Nguyễn Hữu Thọ	Hùng Vương	Hết ranh giới đất nhà ông Phan Hữu Thiện tại thửa 28; TBĐ: 53)	1.00
5	Đường song song với Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Đức Cảnh	Nguyễn Hữu Thọ	1.00
6	Nguyễn Trãi	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	1.00
		Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1.00
		Phan Chu Trinh	Bà Triệu	1.00
		Bà Triệu	Thánh thất Buôn Hồ	1.00
		Thánh thất Buôn Hồ	Âu Cơ	1.00
7	Chu Văn An	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	1.00
8	Quang Trung	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	1.00
		Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Phan Chu Trinh	Hết ranh giới đất nhà ông Thái Bá Hùng tại thửa 175; TĐĐ 09)	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Thái Bá Hùng tại thửa 175; TĐĐ 09)	Hết đường	1.00
9	Hoàng Diệu	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	1.00
		Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Tất Thành	1.00
		Nguyễn Tất Thành	Hết ranh giới đất Cty TNHH TM DV SX Đặng Tiến	1.00
		Hết ranh giới đất Cty TNHH TM DV SX Đặng Tiến	Hết ranh giới thửa đất ông Kiều Thanh Thăng (thửa số 129, TĐĐ 09)	1.00
		Hết ranh giới thửa đất ông Kiều Thanh Thăng (thửa số 129, TĐĐ 09)	Hết ranh giới thửa đất ông Hoàng Minh Chuyên (thửa đất số 112, TĐĐ 09)	1.00
10	Phạm Ngũ Lão	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	1.00
11	Phạm Ngọc Thạch	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	1.00
12	Lê Quý Đôn	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	1.00
		Nguyễn Tất Thành	Hết ranh giới nhà ông Lương Văn Rô (thửa 9 TĐĐ 38)	1.00
		Hết ranh giới nhà ông Lương Văn Rô (thửa 9 TĐĐ 38)	Hết ranh giới nhà ông Lê Quốc Hùng (thửa đất 13, TĐĐ số 32)	1.00
		Hết ranh giới nhà ông Lê Quốc Hùng (thửa đất 13, TĐĐ số 32)	Hết ranh giới nhà ông Trần Thanh (thửa đất 33, TĐĐ số 8)	1.00
		Hết ranh giới nhà ông Trần Thanh (thửa đất 33, TĐĐ số 8)	Cầu bà Tĩnh	1.00
13	Nguyễn Tri Phương	Hùng Vương	Nguyễn Thị Định	1.00
		Nguyễn Thị Định	Hết đường (hết ranh giới thửa đất bà Nguyễn Thị Thu thửa đất số 57, TĐĐ 34)	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
14	Nguyễn Thị Minh Khai	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	1.00
		Nguyễn Chí Thanh	Hết ranh giới đất ông Đỗ Viết	1.00
		Hết ranh giới đất ông Đỗ Viết	Hết đường	1.00
15	Phan Đăng Lưu	Chu Văn An	Quang Trung	1.00
16	Trần Phú	Chu Văn An	Quang Trung	1.00
		Quang Trung	Hoàng Diệu	1.00
		Hoàng Diệu	Phạm Ngũ Lão	1.00
17	Nguyễn Chí Thanh	Bùi Thị Xuân	Hoàng Diệu	1.00
		Hoàng Diệu	Lê Quý Đôn	1.00
		Lê Quý Đôn	Nguyễn Tri Phương	1.00
		Nguyễn Tri Phương	Văn Tiến Dũng	1.00
		Văn Tiến Dũng	Giáp phường Đạt Hiếu	1.00
18	Nguyễn Tất Thành	An Dương Vương	Nguyễn Trãi	1.00
		Nguyễn Trãi	Quang Trung	1.00
		Quang Trung	Hoàng Diệu	1.00
		Hoàng Diệu	Lê Quý Đôn	1.00
19	Trần Quốc Toàn	Nguyễn Trãi	Y Jút	1.00
20	Lê Lai	Nguyễn Trãi	Y Jút	1.00
21	Y Jut	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1.00
		Phan Chu Trinh	Hết đất nhà ông Trần Anh Tú (tại thửa 19; TĐĐ: 13)	1.00
22	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Tất Thành	Trần Phú	1.00
23	Ngô Quyền	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Chí Thanh	1.00
24	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Chí Thanh	1.00
25	Lê Lợi	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1.00
		Phan Chu Trinh	Hết đất nhà ông Nguyễn Tự Trị (tại thửa 140; TĐĐ: 09)	1.00
26	Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1.00
		Phan Chu Trinh	Hết đường	1.00
27	Phan Chu Trinh	Nguyễn Trãi	Quang Trung	1.00
		Quang Trung	Đinh Tiên Hoàng	1.00
28	Nguyễn Thị Định	Lê Quý Đôn	Nguyễn Tri Phương	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
29	Âu Cơ	An Vương Dương (ngã ba ranh giới An Bình - Đoàn Kết)	Nguyễn Trãi	1.00
		Nguyễn Trãi	Hết đất nhà Nguyễn Đình Hiệp (tại thửa 03; TĐĐ: 16)	1.00
30	Trần Nguyên Hân	Hùng Vương	Đổi diện Đặng Thai Mai	1.00
31	Nguyễn Thuyên	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	1.00
32	Văn Tiến Dũng	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	1.00
		Nguyễn Chí Thanh	Trần Nguyên Hân	1.00
33	Lê Văn Sỹ	Nguyễn Thị Minh Khai	Giáp ranh giới phường Đạt Hiếu	1.00
34	Phan Đình Giót	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Tất Thành	1.00
35	Nguyễn An Ninh	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Trọng Tuyển	1.00
		Nguyễn Trọng Tuyển	Hết đất nhà ông Hoàng Ngọc Châu (tại thửa 141; TĐĐ 9)	1.00
36	Lê Văn Hưu	Nguyễn Trãi	Ngã ba nhà ông Trần Văn Bình (thửa đất số 98, TĐĐ 19)	1.00
		Ngã ba nhà ông Trần Văn Bình (thửa đất số 98, tờ Đồ số 19)	An Dương Vương	1.00
37	Bà Triệu	Nguyễn Trãi	Lê Văn Hưu	1.00
38	Lạc Long Quân (bao gồm phần giao thông phía Bắc đường Nguyễn Trãi)	Nguyễn Trãi	An Dương Vương	1.00
		Nguyễn Trãi	Hết đất nhà ông Phạm Thanh Tài (thửa 01 TĐĐ 08)	1.00
39	Hồ Tùng Mậu	Phan Chu Trinh	Hết đất nhà ông Đinh Văn Ruyên (thửa 01; TĐĐ:13)	1.00
40	Đường chưa đặt tên thuộc TDP 8	Y Jút	Ngã ba Phan Chu Chinh	1.00
		Phan Chu Trinh	Hết đất nhà ông Nguyễn Sâm (thửa 34, TĐĐ 49)	1.00
41	Đường chưa đặt tên thuộc TDP 7 và 8	Ngã ba Hồ Tùng Mậu	Ngã ba Lê Lợi	1.00
42	Nguyễn Trọng Tuyển	Hoàng Diệu	Nguyễn An Ninh	1.00
43	Khu vực còn lại			1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
III	Phường Bình Tân			1.00
1	Hùng Vương (Quốc lộ 14)	Đầu cầu Hà Lan (giáp ranh phường Thống Nhất)	Trần Khát Chân	1.00
		Trần Khát Chân	Trần Quang Khải	1.00
		Trần Quang Khải	Đặng Thái Thân	1.00
		Đặng Thái Thân	Hết ranh giới đất ông Nguyễn Văn Đạo (thửa đất số 105, TĐĐ 34)	1.00
		Hết ranh giới đất ông Nguyễn Văn Đạo (thửa đất số 105, TĐĐ 34)	Hết phường Bình Tân	1.00
2	Phan Phù Tiên	Hùng Vương	Ngã ba nhà ông Võ Đức Toàn (thửa đất số 68, TĐĐ 23)	1.00
		Ngã ba nhà ông Võ Đức Toàn (thửa đất số 68, TĐĐ 23)	Trần Quý Cáp	1.00
		Trần Quý Cáp	Hết đường	1.00
3	Trần Quý Cáp	Ngã ba giao nhau với đường Phan Phù Tiên	Hết ranh giới hộ ông Nguyễn Duy Thành (thửa đất 77 TĐĐ số 23)	1.00
		Hết ranh giới hộ ông Nguyễn Duy Thành (thửa đất 77 TĐĐ số 23)	Hết đường	1.00
4	Trần Khắc Chân	Hùng Vương	Ngã ba đường vào chợ	1.00
		Ngã ba đường vào chợ	Hết ranh giới nhà bà Nguyễn Thu Hà (thửa đất số 15, TĐĐ 28)	1.00
		Hết ranh giới nhà bà Nguyễn Thu Hà (thửa đất số 15, TĐĐ 28)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Tiến (thửa đất số 26, TĐĐ 28)	1.00
5	Trịnh Công Sơn	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất ông Lê Đình Mỹ (thửa đất số 106, TĐĐ 22)	1.00
		Hết ranh giới đất ông Lê Đình Mỹ thửa đất số 106, TĐĐ 22)	Phạm Kính Ân	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
6	Phạm Kinh Ân	Hùng Vương	Hết đường (hết đất nhà ông Nguyễn Thanh Hoá)	1.00
7	Trương Hán Siêu	Hùng Vương	Lê Văn Thiêm	1.00
		Lê Văn Thiêm	Hết ranh giới hộ ông Nguyễn Đình Khôi (thửa đất 279 TBĐ số 27)	1.00
8	Lê Văn Thiêm	Trần Quang Khải	Hết đường (hết đất nhà ông Nguyễn Thành)	1.00
9	Trần Quang Khải	Hùng Vương	Lê Văn Thiêm	1.00
		Lê Văn Thiêm	Lê Ngọc Hân	1.00
		Lê Ngọc Hân	Trường Lê Quý Đôn	1.00
		Trường Lê Quý Đôn	Hùng Vương	1.00
10	Lê Ngọc Hân	Trần Quang Khải	Hết đường (hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hiệu)	1.00
11	Cao Bá Quát	Hùng Vương	Trần Quang Khải	1.00
12	Đặng Thái Thân	Hùng Vương	Trần Quang Khải	1.00
13	Nguyễn Chánh	Đặng Thái Thân	Hết đường (hết đất nhà ông Nguyễn Hữu Minh)	1.00
14	Tiểu La	Hùng Vương	Hết đường (hết đất nhà ông Nguyễn Thành Trung)	1.00
15	Phan Kế Bính	Hùng Vương	Hoàng Hoa Thám	1.00
		Hoàng Hoa Thám	Hết đường (hết đất nhà bà Nguyễn Kim Vượng, thửa đất 115, TBĐ số 04)	1.00
16	Lưu Trọng Lư	Hùng Vương	Hoàng Hoa Thám	1.00
		Hoàng Hoa Thám	Đào Duy Từ	1.00
17	Đào Duy Từ	Hoàng Hoa Thám	Kỳ Đồng	1.00
18	Ngô Tất Tố	Hùng Vương	Đào Duy Từ	1.00
19	Lê Hữu Phước	Hùng Vương	Đào Duy Từ	1.00
20	Xuân Hồng	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1.00
		Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1.00
21	Tổ Hữu	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1.00
		Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1.00
		Đào Duy Từ	Hết đường (hết đất trường Đinh Tiên Hoàng)	1.00
22	Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	Kỳ Đồng	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
23	Nguyễn Văn Huyền	Xuân Hồng	Nguyễn Thị Suốt	1.00
24	Nguyễn Thượng Hiền	Tổ Hữu	Huyền Quang	1.00
25	Thanh Tịnh	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1.00
		Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1.00
26	Nguyễn Quốc Trị	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1.00
		Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1.00
27	Nguyễn Thị Suốt	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1.00
		Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1.00
28	Hoàng Hoa Thám	Phan Kế Bính	Hết đường (hết đất nhà ông Nguyễn Tiến)	1.00
29	Huyền Quang	Nguyễn Thị Suốt	Hết đường (ranh giới hộ ông Hoàng Thanh Sang, thửa 156, TBĐ số 03)	1.00
30	Trịnh Đình Thảo	Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1.00
31	Cao Thắng	Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1.00
32	Đào Duy Anh	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1.00
		Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1.00
33	Nguyễn Chí Diểu	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1.00
		Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1.00
34	Nguyễn Văn Bé	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1.00
		Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1.00
35	Kỳ Đồng	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1.00
		Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1.00
36	Nguyễn Thái Học	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Trần Đức Long (thửa đất số 188, TBĐ 31)	1.00
		Hết ranh giới nhà Trần Đức Long (thửa đất số 188, TBĐ 31)	Hết đường (hết đất nhà ông Nguyễn Kim Lành, thửa đất 214, TBĐ số 31)	1.00
37	Nguyễn Lâm	Hùng Vương	Hết đường (hết đất nhà bà Trần Đức An, thửa 228, TBĐ số 31)	1.00
38	Vũ Hữu	Nguyễn Lâm	Hết đường (hết đất nhà ông Lê Trị, thửa đất 98, TBĐ số 34)	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
39	Hẻm 1	Hùng Vương	Nhà ông Nguyễn Văn Hiếu (thửa đất số 58, TĐĐ 27)	1.00
40	Hẻm 2	Hùng Vương	Nhà bà Nguyễn Thị Bích Ngọc (thửa đất số 03, TĐĐ 35)	1.00
41	Hẻm 3	Hùng Vương	Nhà ông Lâm Quốc Việt (thửa đất số 24, TĐĐ 34)	1.00
42	Khu vực còn lại			1.00
IV	Phường Đạt Hiếu			1.00
1	Hùng Vương (Quốc lộ 14)	Nguyễn Duy Trinh (giáp ranh xã Pong Drang)	Trần Văn Trà (hết ranh giới đất chùa Đạt Hiếu)	1.00
		Trần Văn Trà (hết ranh giới đất chùa Đạt Hiếu)	Giáp ranh giới phường An Lạc, An Bình	1.00
2	Trần Hưng Đạo	Giáp ranh giới phường An Lạc	Trụ sở công ty cà phê Buôn Hồ	1.00
		Trụ sở công ty cà phê Buôn Hồ	Cầu RôSy	1.00
3	Nguyễn Duy Trinh (đường vào nghĩa địa Tân Lập I)	Hùng Vương	Thửa đất số 15, TĐĐ 28	1.00
		Thửa đất số 15, TĐĐ 28	Đầu ranh giới Nghĩa địa	1.00
4	Hoàng Việt (đường đi đập tràn)	Hùng Vương	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Thanh Định (thửa đất số 222, TĐĐ 28)	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Thanh Định (thửa đất số 222, TĐĐ 28)	Hết ranh giới đất nhà ông Phạm Tấn (thửa đất số 39, TĐĐ 29)	1.00
5	Đường vào khu B	Hùng Vương	Giáp ranh giới cổng nghĩa địa khu B	1.00
6	Nguyễn Lương Bằng	Hùng Vương	Đường vào nghĩa địa khu C	1.00
		Đường vào khu C	Hết ranh giới đất nhà ông Lưu Quang Toàn (thửa đất số 33, TĐĐ 35)	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Lưu Quang Toàn (thửa đất số 33, TĐĐ 35)	Đến ngã ba Trần Huy Liệu	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Trần Hưng Đạo	Hết Cống cây Đa (thửa đất số 131, TĐĐ 11)	1.00
		Cống cây Đa (thửa đất số 131, thuộc TĐĐ 11)	Hết tổ dân phố 2	1.00
		Hết tổ dân phố 2	Giáp đường Trần Huy Liệu	1.00
7	Tôn Thất Thuyết	Hùng Vương	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn An Ca (thửa đất số 4, TĐĐ 41)	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn An Ca (thửa đất số 4, TĐĐ 41)	Ngã ba Trần Huy Liệu	1.00
8	Trần Nguyên Hân (giáp phường An Bình)	Hùng Vương	Ngã ba Đặng Thai Mai	1.00
		Ngã ba Đặng Thai Mai	Giáp đường Lương Thế Vinh	1.00
9	Lương Thế Vinh	Hùng Vương	Ngã tư Văn Tiến Dũng	1.00
		Ngã tư Văn Tiến Dũng	Hết ranh giới đất Trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	1.00
		Hết ranh giới đất Trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Hết ranh giới thửa số 11, TĐĐ 42	1.00
		Hết ranh giới thửa số 11, TĐĐ 42	Trần Nguyên Hân	1.00
		Trần Nguyên Hân	Đập giao thủy	1.00
10	Trần Văn Trà (đường vào chùa Đạt Hiếu)	Hùng Vương	Ngô Thị Nhậm	1.00
11	Nguyễn Kim (đường vào thôn Đạt Hiếu 5)	Hùng Vương	Đặng Thai Mai	1.00
12	Mạc Đình Chi	Hùng Vương	Ngã ba Trịnh Hoài Đức	1.00
		Ngã ba Trịnh Hoài Đức	Hết đất (hết đất nhà ông Nguyễn Thái tại thửa 32, TĐĐ 39).	1.00
		Đầu ranh giới đất nhà ông Nguyễn Thái tại thửa 32, TĐĐ 39).	Hết ranh giới thửa đất số 66, TĐĐ 38	1.00
		Hết ranh giới thửa đất số 66, TĐĐ 38	Hết đường	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
13	Đường vào TDP Đạt Hiếu 7 (ngã ba nhà ông Lê Xứng)	Hùng Vương	Ngã ba Văn Tiến Dũng	1.00
14	Trần Nhật Duật (đường vào trung tâm TDP Đạt Hiếu 4)	Hùng Vương	Ngã tư Văn Tiến Dũng	1.00
		Ngã tư Văn Tiến Dũng	Ngã tư Trịnh Hoài Đức	1.00
		Ngã tư Trịnh Hoài Đức	Hết đất nhà ông Trần Văn Phẩm thửa 02, TBD:39)	1.00
15	Y Yon Niê (đường vào Cầu Đường)	Hùng Vương	Trịnh Hoài Đức	1.00
		Trịnh Hoài Đức	Ngã tư Y Thuyền KSo'r	1.00
		Ngã tư Y Thuyền KSo'r	Mạc Đăng Dung	1.00
16	Y Thuyền Kso'r (đường vào buôn Klia)	Hùng Vương	Y Yon Niê	1.00
		Y Yon Niê	Mai Xuân Thương	1.00
17	Hải Triều (đường vào Sân vườn Tính Nền)	Trần Hưng Đạo	Hết ranh giới đất Nhà hàng sân vườn Tính Nền (thửa 24, TBD 11)	1.00
		Hết ranh giới đất Nhà hàng sân vườn Tính Nền (thửa 24, TBD 11)	Hết đường (hết đất nhà ông Võ Văn Tám thửa số 11, TBD 11)	1.00
18	Nguyễn Viết Xuân	Giáp phường An Lạc	Tôn Thất Thuyết	1.00
19	Nguyễn Chí Thanh	Giáp phường An Bình	Trần Nhật Duật	1.00
		Trần Nhật Duật	Y Yon Niê	1.00
20	Văn Tiến Dũng	Trần Nguyên Hân	Trần Nhật Duật	1.00
		Trần Nhật Duật	Y Yon Niê	1.00
21	Ngô Thị Nhậm	Trần Văn Trà	Cao Đạt	1.00
		Cao Đạt	Hết thửa 18, TBD 44	1.00
22	Đặng Thai Mai	Trần Nguyên Hân	Nguyễn Kim	1.00
23	Trịnh Hoài Đức	Ngã ba Mạc Đình Chi	Ngã ba Y Yon Niê	1.00
24	Cao Đạt (Giáp Đạt Hiếu 2,3)	Hùng Vương	Ngã ba Ngô Thị Nhậm	1.00
		Ngã ba Ngô Thị Nhậm	Giáp đường Trần Huy Liệu	1.00
25	Trần Huy Liệu	Ngã ba Nguyễn Lương Bằng	Tôn Thất Thuyết	1.00
		Tôn Thất Thuyết	Hết đất nhà ông Võ Văn Lý (thửa 32, TBD 41)	1.00
		Hết đất nhà ông Võ Văn Lý (thửa 32, TBD 41)	Hết đất nhà ông Lại Thanh Đồng tại thửa 15, TBD 44)	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
26	Phan Huy Chú	Y Yon Niê	Y Thuyên KSo'r	1.00
27	Sư Vạn Hạnh	đầu đất nhà ông Y Hiát Mlô thửa 27, TĐĐ:26)	Hết ranh giới tại thửa 69, TĐĐ 32	1.00
28	Vi Thủ An	Y Thuyên Kso'r	Hết ranh giới thửa đất 06, TĐĐ 21.	1.00
29	Huỳnh Văn Nghệ	Y Yon Niê	Hết ranh giới thửa số: 15, TĐĐ: 32.	1.00
30	Y Ni Kso'r	Mạc Đăng Dung	Hết ranh giới thửa số: 21, TĐĐ: 33.	1.00
31	Mai Xuân Thường	Mạc Đăng Dung	Y Thuyên KSo'r	1.00
32	Mạc Đăng Dung	Đầu ranh giới đất nhà ông Y Sisat Mlô tại thửa số: 41, TĐĐ 26	Hết ranh giới thửa số: 05, TĐĐ 38.	1.00
36	Khu vực còn lại			1.00
V	Phường Đoàn Kết			1.00
1	An Dương Vương	Giáp phường Thiện An	Hàm Nghi	1.00
		Hàm Nghi	Ấu Cơ (giáp phường An Bình)	1.00
2	Hoàng Quốc Việt	Đầu cầu 12/3 (giáp phường Thiện An)	Nguyễn Thị Thập	1.00
		Nguyễn Thị Thập	Hết đường (thửa đất nhà ông Man Đức Hoà, thửa đất 111, TĐĐ số 09)	1.00
3	Hàm Nghi	An Dương Vương	Ấu Cơ	1.00
4	Huỳnh Tấn Phát	Ấu Cơ	Nguyễn Thị Thập (ngã ba TDP 4)	1.00
5	Ấu Cơ	Cầu bà Tiên	Nhà ông Lắm TDP 2 (thửa đất số 40, TĐĐ 21)	1.00
		Nhà ông Lắm tổ dân phố 2 (thửa đất số 40, TĐĐ 21)	Cuối đường Ấu Cơ (giáp phường Thiện An)	1.00
6	Lê Văn Hưu	An Dương Vương	Ấu Cơ	1.00
7	Tăng Bạt Hổ	Trần Quốc Hoàn	Đầu ranh giới đất Nguyễn Như Xuân tại thửa 34, TĐĐ 18	1.00
8	Trần Quốc Hoàn	Ranh giới đất ông Hồ Thanh Hải thửa 12, TĐĐ: 16	Hết đất bà Nguyễn Thị Tuyết tại thửa 86, TĐĐ: 15.	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
9	Nguyễn Thị Thập	Ranh giới đất ông Nguyễn Anh Tuấn thửa 40, TĐĐ: 04	Hồ Xuân Hương	1.00
		Hồ Xuân Hương	Trần Quốc Hoàn	1.00
10	Hồ Xuân Hương	Ấu Cơ	Đầu ranh giới nhà Trần Văn Nguyên tại thửa đất 54, TĐĐ số 9	1.00
11	Lạc Long Quân (nối dài)	An Dương Vương	Hàm Nghi	1.00
12	Tán Thuật	Hồ Xuân Hương	Nguyễn Thị Thập	1.00
13	Khu vực còn lại			1.00
VI	Phường Thiện An			1.00
1	Hùng Vương (Quốc lộ 14)	Giáp ranh phường Thống Nhất	Hoàng Quốc Việt	1.00
		Hoàng Quốc Việt	Lê Đức Thọ	1.00
		Lê Đức Thọ	Nguyễn Hồng	1.00
		Nguyễn Hồng	Hải Thượng Lãn Ông	1.00
		Hải Thượng Lãn Ông	Phan Đình Phùng	1.00
2	Hoàng Quốc Việt	Hùng Vương	Giáp ranh giới phường Đoàn Kết	1.00
3	An Dương Vương	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	1.00
		Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Đoàn Kết	1.00
4	Nguyễn Hồng	Hùng Vương	Lý Tự Trọng	1.00
		Lý Tự Trọng	Mai Hắc Đế	1.00
5	Bùi Xuân Phái	Nguyễn Hồng	Mai Hắc Đế	1.00
6	Mai Hắc Đế (giáp ranh giới phường An Lạc)	Đầu ranh giới đất nhà ông Trần Kim Lê (thửa đất số 6, TĐĐ 17)	Bùi Xuân Phái	1.00
7	Chu Mạnh Trinh	Hùng Vương	Hải Thượng Lãn Ông	1.00
8	Ngô Mây	Hùng Vương	Đến hết ranh giới Trạm Y Tế Phường)	1.00
9	Lê Đức Thọ	Hùng Vương	Đến hết ranh giới đất nhà ông Phạm Như Vinh (thửa đất số 36, TĐĐ 5).	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
10	Nguyễn Trung Trực	Giáp phường An Lạc	Nguyễn Hồng (sau đất chùa Thiện An)	1.00
		Nguyễn Hồng	Nhà ông Cao Văn Thạnh (thửa đất số 101, tờ Bđô 20)	1.00
11	Hải Thượng Lãn Ông	Hùng Vương	Chu Mạnh Trinh	1.00
12	Nguyễn Tuân	Hùng Vương	Nguyễn Trung Trực	1.00
		Nguyễn Trung Trực	Lý Tự Trọng	1.00
13	Nguyễn Huy Tưởng	Hùng Vương	Hùng Vương + 300 m	1.00
		Hùng Vương + 300 m	Đầu ranh giới đất Trịnh Bá Lộc thửa 15, TĐĐ 10).	1.00
14	Nguyễn Tất Thành	An Dương Vương	Nguyễn Lân	1.00
15	Tổng Duy Tân	Hùng Vương	Hết đường(hết ranh giới đất nhà ông Trần Văn Bá tại thửa 109; TĐĐ: 09).	1.00
16	Văn Cao	Hùng Vương	Hết đường(hết đất nhà ông Dương Công Cầu, tại thửa 60, TĐĐ: 09).	1.00
17	Nguyễn Cư Trinh	Hùng Vương	Hết đường(hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Ánh tại thửa 60; TĐĐ:09).	1.00
18	Nguyễn Lân	Hùng Vương	Hết đường(Hết đất nhà ông Hoàng Văn Oanh tại thửa 107, TĐĐ:09).	1.00
19	Phạm Hồng Thái	Hùng Vương	Hết đường(Hết đất nhà ông Võ Văn Cơ tại thửa số:90; TĐĐ: 10).	1.00
20	Trịnh Văn Cẩn	Hùng Vương	Hết đường(hết đất nhà ông Nguyễn Xuân Thủy tại thửa 135; TĐĐ: 09).	1.00
21	Đoàn Khuê	Hùng Vương	Nguyễn Trung Trực	1.00
		Nguyễn Trung Trực	Bùi Xuân Phái	1.00
22	Phan Đình Phùng	Hùng Vương	Nguyễn Trung Trực	1.00
		Nguyễn Trung Trực	Mai Hắc Đế	1.00
23	Ông Ích Khiêm	Hùng Vương	Ngã ba Nguyễn Tất Thành	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
24	Lý Tự Trọng	Giáp ranh giới phường An Lạc	Hết đường(hết đất ông Phan Long Thừa tại thửa 27; TĐĐ: 20)	1.00
25	Cao Xuân Huy	Hùng Vương	Hết đường (hết đất nhà ông Hoàng Văn Chức, thửa đất 5, TĐĐ số 41).	1.00
26	Các đường bê tông	Nhà ông Nguyễn Thanh Xuân	Nguyễn Tất Thành	1.00
27	Khu vực còn lại			1.00
VII	Phường Thống Nhất			1.00
1	Hùng Vương (Quốc lộ 14)	Giáp phường Bình Tân	Hết ranh giới nhà ông Trần Thanh Linh (thửa đất số 3, TĐĐ 28)	1.00
		Hết ranh giới nhà ông Trần Thanh Linh (thửa đất số 3, TĐĐ 28)	Giáp phường Thiện An	1.00
2	Cù Chính Lan	Hùng Vương	Ngã tư Nguyễn Huy Tự	1.00
		Ngã tư Nguyễn Huy Tự	Hết ranh giới nhà ông Hồ Văn Hùng (thửa đất số 6, TĐĐ 24)	1.00
3	Lê Chân	Hùng Vương	Ngã tư Nguyễn Huy Tự	1.00
		Ngã tư Nguyễn Huy Tự	Ngã tư Vũ Trọng Bình - Lê Chân	1.00
		Ngã tư Vũ Trọng Bình - Lê Chân	Hết ranh giới nhà ông Nguyễn Thiện Ân (thửa đất số 32, TĐĐ 24)	1.00
4	Vũ Thục Nương	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà ông Nguyễn Văn Hà (thửa đất số 105, TĐĐ 23)	1.00
		Hết ranh giới nhà ông Nguyễn Văn Hà (thửa đất số 105, TĐĐ 23)	Hết ranh giới nhà ông Nguyễn Đình Khẩn (thửa đất số 12, TĐĐ 28)	1.00
5	Phùng Thị Chính	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà ông Cồ Quốc Bảo (thửa đất số 139, TĐĐ 28)	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Hết ranh giới nhà Cồ Quốc Bảo (thửa đất số 139, TĐĐ 28)	Hết ranh giới nhà Nguyễn Thanh Quang (thửa đất số 45, TĐĐ 28)	1.00
6	Phù Đồng Thiên Vương	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Lê Văn Lộc (thửa đất số 77, TĐĐ 32)	1.00
		Hết ranh giới nhà Lê Văn Lộc (thửa đất số 77, TĐĐ 32)	Hết ranh giới nhà Nguyễn Hữu Phong (thửa đất số 73, TĐĐ 27)	1.00
		Hết ranh giới nhà Nguyễn Hữu Phong (thửa đất số 73, TĐĐ 27)	Hết ranh giới nhà Vũ Tiến Hương (thửa đất số 20, TĐĐ 13)	1.00
7	Phó Đức Chính	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Phan Vũ Vương (thửa đất số 5, TĐĐ 38)	1.00
		Hết ranh giới nhà Phan Vũ Vương (thửa đất số 5, TĐĐ 38)	Tú Xương	1.00
8	Dương Văn Nga	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Cao Minh Dũng (thửa đất số 29, TĐĐ 38)	1.00
9	Hàn Mặc Tử	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Nguyễn Xuân Phong (thửa đất số 54, TĐĐ 38)	1.00
		Hết ranh giới nhà Nguyễn Xuân Phong (thửa đất số 54, TĐĐ 38)	Tú Xương	1.00
10	Lý Công Bình	Hùng Vương	Hết đất nhà Lưu Đức Lệ (thửa đất số 154, TĐĐ 38)	1.00
11	Lý Chiêu Hoàng	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Nguyễn Quốc Hùng (thửa đất số 302, TĐĐ 38)	1.00
		Hết ranh giới nhà Nguyễn Quốc Hùng (thửa đất số 302, TĐĐ 38)	Hàn Mặc Tử	1.00
		Hàn Mặc Tử	Ngã ba Phù Đồng Thiên Vương	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
12	Đinh Liễn	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Nguyễn Ngọc Long (thửa đất số 101, TBĐ 37)	1.00
		Hết ranh giới nhà Nguyễn Ngọc Long (thửa đất số 101, TBĐ 37)	Trần Văn Ôn	1.00
13	Tân Đà	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Nguyễn Đình Lan (thửa đất số 52, TBĐ 44)	1.00
14	Nguyễn Khuyến	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Đầu Hán (thửa đất số 63, TBĐ 43)	1.00
15	Trương Vĩnh Ký	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Nguyễn Văn Kính (thửa đất số 160, TBĐ 44)	1.00
		Hết ranh giới nhà Nguyễn Văn Tính (thửa đất số 160, TBĐ 44)	Hết ranh giới nhà Bùi Viết Quốc (thửa đất số 130, TBĐ 43)	1.00
16	Nguyễn Bính	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Nguyễn Toàn (thửa đất số 206, TBĐ 44)	1.00
		Hết ranh giới nhà Nguyễn Toàn (thửa đất số 206, TBĐ 44)	Hết ranh giới nhà Bùi Đình Lý (thửa đất số 169, TBĐ 43)	1.00
17	Duy Tân	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Nguyễn Ngọc Quế (thửa đất số 183, TBĐ 43)	1.00
		Hết ranh giới nhà Nguyễn Ngọc Quế (thửa đất số 183, TBĐ 43)	Hết ranh giới nhà Lê Thế Kỳ (thửa đất số 172, TBĐ 43)	1.00
18	Đặng Tất	Hùng Vương	Ngã ba Phù Đồng Thiên Vương	1.00
19	Phùng Hưng	Hùng Vương	Nguyễn Thiếp	1.00
20	Khúc Thừa Dụ	Hùng Vương	Nguyễn Thiếp	1.00
21	Dương Đình Nghệ	Hùng Vương	Nguyễn Thiếp	1.00
22	Trần Thủ Độ	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Nguyễn Chát (thửa đất số 20, TBĐ 29)	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Hết ranh giới nhà Nguyễn Chát (thửa đất số 20, TĐĐ 29)	Hết ranh giới nhà Nguyễn Thế Bộ (thửa đất số 19, TĐĐ 29)	1.00
23	Đặng Nguyên Cẩn	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Hoàng Văn Mỹ (thửa đất số 84, TĐĐ 28)	1.00
		Hết ranh giới nhà Hoàng Văn Mỹ (thửa đất số 84, TĐĐ 28)	Hết ranh giới nhà Trần Anh Kim (thửa đất số 97, TĐĐ 29)	1.00
24	Bùi Huy Bích	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Bạch Kim Thảo (thửa đất số 116, TĐĐ 28)	1.00
		Hết ranh giới nhà Bạch Kim Thảo (thửa đất số 116, TĐĐ 28)	Hết ranh giới nhà Nguyễn Văn Lầu (thửa đất số 119, TĐĐ 29)	1.00
25	Dã Tượng	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Nguyễn Trọng Luyến (thửa đất số 7, TĐĐ 32)	1.00
		Hết ranh giới nhà Nguyễn Trọng Luyến (thửa đất số 7, TĐĐ 32)	Hết ranh giới nhà Trần Thử (thửa đất số 45, TĐĐ 33)	1.00
26	Yết Kiêu	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Hoàng Kim Lan (thửa đất số 155, TĐĐ 33)	1.00
		Hết ranh giới nhà Hoàng Kim Lan (thửa đất số 155, TĐĐ 33)	Hết ranh giới nhà Trần Văn (thửa đất số 78, TĐĐ 33)	1.00
27	Nguyễn Văn Siêu	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Lê Ninh (thửa đất số 87, TĐĐ 33)	1.00
28	Bà Huyện Thanh Quan	Hùng Vương	Yết Kiêu	1.00
29	Nguyễn Thi	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Hoàng Thị Lệ (thửa đất số 41, TĐĐ 39)	1.00
		Hết ranh giới nhà Hoàng Thị Lệ (thửa đất số 41, TĐĐ 39)	Hết ranh giới nhà Lê Đình Mỹ (thửa đất số 55, TĐĐ 40)	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
30	Lê Công Kiều	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Trần Tùng (thửa đất số 70, TĐĐ 39)	1.00
		Hết ranh giới nhà Trần Tùng (thửa đất số 70, TĐĐ 39)	Ngã 5 Nguyễn Thi	1.00
31	Phan Văn Khỏe	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Đinh Ngọc Hiếu (thửa đất số 84, TĐĐ 39)	1.00
32	Cổng Quỳnh	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Phạm Ngọc Thanh (thửa đất số 107, TĐĐ 39)	1.00
33	Mai Thị Lựu	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Phạm Anh Sơn (thửa đất số 128, TĐĐ 39)	1.00
34	Lương Đình Cửa	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Nguyễn Xuân Hải (thửa đất số 137, TĐĐ 39)	1.00
		Hết ranh giới nhà Nguyễn Xuân Hải (thửa đất số 137, TĐĐ 39)	Hết ranh giới nhà Nguyễn Thế Hùng (thửa đất số 168, TĐĐ 39)	1.00
35	Thủ Khoa Huân	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Nguyễn Văn Long (thửa đất số 58, TĐĐ 45)	1.00
		Hết ranh giới nhà Nguyễn Văn Long (thửa đất số 58, TĐĐ 45)	Hết ranh giới nhà Nguyễn Đình Hiên (thửa đất số 81, TĐĐ 45)	1.00
36	Lê Anh Xuân	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Nguyễn Mạnh Thế (thửa đất số 73, TĐĐ 45)	1.00
		Hết ranh giới nhà Nguyễn Mạnh Thế (thửa đất số 73, TĐĐ 45)	Hết ranh giới nhà Nguyễn Công Hóa (thửa đất số 95, TĐĐ 45)	1.00
37	Đào Tấn	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Nguyễn Văn Hành (thửa đất số 173, TĐĐ 44)	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
38	Lý Chính Thắng	Hùng Vương	Hết ranh giới nhà Hà Cửu Long (thửa đất số 290, TĐĐ 44)	1.00
		Hết ranh giới nhà Hà Cửu Long (thửa đất số 290, TĐĐ 44)	Hết ranh giới nhà Trần Văn Thành (thửa đất số 96, TĐĐ 46)	1.00
		Hết ranh giới nhà Trần Văn Thành (thửa đất số 96, TĐĐ 46)	Hết ranh giới nhà Ngô Quang Ánh (thửa đất số 82, TĐĐ 46)	1.00
		Hết ranh giới nhà Ngô Quang Ánh (thửa đất số 82, TĐĐ 46)	Hết ranh giới nhà Y Sin Niê (thửa đất số 11, TĐĐ 50)	1.00
39	Nguyễn Huy Tự	Hết ranh giới nhà Nguyễn Quốc Hân (thửa đất số 145, TĐĐ 25)	Cù Chính Lan	1.00
		Cù Chính Lan	Hết ranh giới Chùa Bửu Thắng (thửa đất số 5, TĐĐ 25)	1.00
40	Vũ Trọng Bình	Ngã ba Phùng Thị Chính	Ngã ba Cù Chính Lan	1.00
41	Tú Xương	Ngã ba Vũ Thục Nương	Nam Cao	1.00
42	Trần Văn Ôn	Duy Tân	Hết ranh giới nhà Nguyễn Đình Thành (thửa đất số 68, TĐĐ 37)	1.00
43	Nam Cao	Nhà ông Nguyễn Đình lâm (thửa đất số 115, TĐĐ 37)	Tú Xương	1.00
		Tú Xương	Hết ranh giới nhà Phạm Văn Linh (thửa đất số 240, TĐĐ 43)	1.00
44	Nguyễn Thiệp	Ngã tư Trần Thủ Độ	Hết ranh giới nhà Lưu Đức Duy (thửa đất số 7, TĐĐ 26)	1.00
45	Trần Hữu Trang	Ngã ba Đặng Nguyên Cẩn	Ngã ba Yết Kiêu	1.00
46	Lê Hồng Sơn	Ngã ba Đặng Nguyên Cẩn	Ngã ba Dã Tượng	1.00
47	Nguyễn Thái Bình	Ngã tư Trần Văn Phụ	Ngã ba Dã Tượng	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
48	Trần Văn Phụ	Hết ranh giới nhà Trần Đình Kiều (thửa đất số 55, TĐĐ 59)	Hết ranh giới nhà ông Thân (thửa đất số 12, TĐĐ 30)	1.00
49	Võ Trung Thành	Hết ranh giới nhà Trần Văn Nhật (thửa đất số 227, TĐĐ 44)	Hết ranh giới nhà Trần Trung Lâm (thửa đất số 119, TĐĐ 52)	1.00
50	Phạm Văn Bạch	Ngã ba Lý Chính Thắng	Hết ranh giới nhà Nguyễn Văn Châu (thửa đất số 18, TĐĐ 54)	1.00
51	Đình Văn Gió	Hết ranh giới nhà Nguyễn Văn Trường (thửa đất số 10, TĐĐ 39)	Hết ranh giới nhà Đình Thị Quang (thửa đất số 45, TĐĐ 40)	1.00
52	Đường giao Hưng Vương (QL 14)	Hết ranh giới nhà Trương Sá (thửa đất số 12, TĐĐ 25)	Hết ranh giới nhà Trần Văn Trung (thửa đất số 13, TĐĐ 25)	1.00
		Hết ranh giới nhà Hà Văn Cho (thửa đất số 15, TĐĐ 25)	Hết ranh giới nhà Nguyễn Đình Tác (thửa đất số 14, TĐĐ 25)	1.00
		Hết ranh giới nhà Trần Mân (thửa đất số 163, TĐĐ 32)	Hết ranh giới nhà ông Ba (thửa đất số 69, TĐĐ 32)	1.00
		Hết ranh giới nhà Nguyễn Ngọc Chấn (thửa đất số 214, TĐĐ 32)	Hết ranh giới nhà Nguyễn Đức Thành (thửa đất số 217, TĐĐ 32)	1.00
		Hết ranh giới nhà Nguyễn Hữu Phú (thửa đất số 142, TĐĐ 32)	Hết ranh giới nhà Lê Thị Nguyên (thửa đất số 134, TĐĐ 32)	1.00
		Hết ranh giới nhà Nguyễn Quang Thạch (thửa đất số 162, TĐĐ 32)	Hết ranh giới nhà Lê Thế Đạo (thửa đất số 178, TĐĐ 32)	1.00
		Hết ranh giới nhà Ngô Quang Hiến (thửa đất số 219, TĐĐ 44)	Hết ranh giới nhà Vũ Kim Lân (thửa đất số 195, TĐĐ 44)	1.00
		Hết ranh giới nhà Nguyễn Xuân Tuy (thửa đất số 63, TĐĐ 52)	Hết ranh giới nhà Nguyễn Minh Hào (thửa đất số 32, TĐĐ 51)	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Hết ranh giới nhà Lê Văn Quý (thửa đất số 5, TĐĐ 52)	Hết ranh giới nhà Nguyễn Quốc Toàn (thửa đất số 7, TĐĐ 52)	1.00
		Hết ranh giới nhà Bùi Đình Lĩnh (thửa đất số 315, TĐĐ 44)	Hết ranh giới nhà Đặng Quốc Quỳnh (thửa đất số 320, TĐĐ 44)	1.00
53	Y Nuê Bkrông (Ái Phương)	Lý Chính Thắng	Hết đường(hết đất nhà ông Y Dai Niê tại thửa 29, TĐĐ số 55)	1.00
54	Y Ksor	Lý Chính Thắng	Hết đường (Y Lan B'krông tại thửa 43, TĐĐ:56)	1.00
55	Y Bih Alêô	Lý Chính Thắng	Hết đường(Y Bach Ktla thửa 44, TĐĐ 56)	1.00
56	A Ma Jhao	Lý Chính Thắng	Hết đường(hết đất ông Y Rai Niê thửa 57, TĐĐ:56)	1.00
57	Nguyễn Minh Châu	A Ma Jhao (về 2 phía)	Hết đường(hết đất ông Y Muk B'Krông thửa 09, TĐĐ 55, và bà H Sot Ayun thửa 15, TĐĐ 58)	1.00
58	Lê Vự	A Ma Jhao	Hết đường(H Lê Ktla thửa đất số 24,TĐĐ 58)	1.00
59	Ơi Ắt	Lý Chính Thắng (về 2 phía)	Hết đường(Hết đất ông Y Blô Niê, thửa 76, TĐĐ 49 và Y Mec Niê thửa 15, TĐĐ 57)	1.00
60	Lê Hy	Lý Chính Thắng (về 2 phía)	Hết đường(Y Jony Niê thửa 9,TĐĐ 49 và Y Cuc B'Krông thửa 98, TĐĐ 57)	1.00
61	Lê Quang Đạo	Phùng Chí Kiên	Hết đường(hết đất ông Y Ngô Ktla thửa 72, TĐĐ 57)	1.00
62	Phùng Chí Kiên	Ơi Ắt (về 2 phía)	Hết đường(hết đất ông Y Phoi B'Krông thửa 37, TĐĐ 49 và bà H' Blec Niê thửa 28, TĐĐ 48)	1.00
63	Khu vực tổ dân phố Tân Hà 1, 2, 3, 4 và tổ dân phố Hợp Thành 1, 2, 3, 4			1.00
64	Khu vực còn lại			1.00

II. ĐẤT Ở NÔNG THÔN

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
I	Xã Bình Thuận			
1	Đường vào Trung tâm xã	Quốc lộ 14	Đầu ranh giới đất nhà thờ Mân Côi (thửa đất số 75, TĐĐ 11)	1.00
		Đầu ranh giới đất nhà thờ Mân Côi	Hết ranh giới đất cây xăng Thịnh Phong (thửa đất số 62, TĐĐ 78)	1.00
		Hết ranh giới đất cây xăng Thịnh Phong	Hết ranh giới đất nhà bà Phan Thị Ngành (thửa đất số 20, TĐĐ 85)	1.00
2	Khu vực ngã tư Bình Thành	Ngã tư Bình Thành (về hướng Bắc)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Bá Phụng (thửa đất số 01, TĐĐ 67)	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Bá Phụng (thửa đất số 01, TĐĐ 67)	Đường vào thôn Bình Thành 1	1.00
		Ngã tư Bình Thành (về hướng Đông)	Hết ranh giới đất nhà ông Văn Đức Nghĩa (thửa đất số 89, TĐĐ 67)	1.00
3	Khu vực ngã tư Bình Hòa	Ngã tư Bình Hòa (về hướng Đông)	Hết Sân vận động của xã	1.00
		Hết Sân vận động của xã	Hết ranh giới đất nhà bà Khiêm (thửa đất số 09, TĐĐ 87)	1.00
		Ngã tư Bình Hoà (về phía Bắc)	Hết ranh giới đất Phan Thị Ngành (thửa đất số 20, TĐĐ 85)	1.00
		Ngã tư Bình Hòa (về hướng Tây)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Minh Tấn (thửa đất số 79, TĐĐ 85)	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Minh Tấn (thửa đất số 79, TĐĐ 85)	Đầu buôn Jút	1.00
		Ngã tư Bình Hòa (về hướng Nam)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Hữu Chín (thửa đất số 88, TĐĐ 91)	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Hữu Chín (thửa đất số 88, TĐĐ 91)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Hữu Sang (thửa đất số 14, TĐĐ 42)	1.00
		Ngã ba vào đập Ea Phê	Hết ranh giới đất nhà ông Phạm Văn Tuấn (thửa đất số 27, TĐĐ 42)	1.00
4	Khu vực Bình Thành	Ngã ba vào thôn Bình Thành IV	Hết ranh giới đất nhà ông Trần Hợp (thửa đất số 59, TĐĐ 67)	1.00
		Ngã ba vào thôn Bình Thành III	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Lương An (thửa đất số 45, TĐĐ 67)	1.00
		Ngã ba vào thôn Bình Thành III	Hết ranh giới đất nhà ông Huỳnh Thanh Minh (thửa đất số 25, TĐĐ 27)	1.00
		Ngã ba vào thôn Bình Thành II	Hết ranh giới đất nhà ông Trần Văn Hà (thửa đất số 01, TĐĐ 68)	1.00
		Ngã ba vào thôn Bình Thành II	Hết ranh giới thửa đất ông Phạm Văn Phong (thửa đất số 66, TĐĐ 62)	1.00
		Ngã ba vào thôn Bình Thành I	Hết ranh giới đất nhà ông Phạm Bạo (thửa đất số 22, TĐĐ 62)	1.00
5	Khu vực Bình Minh	Ngã ba Bình Minh 3 và Bình Minh 5	Hết ranh giới đất nhà ông Mai Văn Kim (thửa đất số 61, TĐĐ 76)	1.00
		Ngã ba Bình Minh 3	Hết ranh giới đất Chùa Phở Tề (thửa đất số 62, TĐĐ 70)	1.00
		Từ cổng chào thôn Bình Minh 2	Hết ranh giới đất nhà bà Trương Thị Cúc (thửa đất số 06, TĐĐ 76)	1.00
6	Khu vực còn lại			1.00
II	Xã Cư Bao			1.00
1	Quốc lộ 14	Đèo Hà Lan (giáp ranh giới phường Bình Tân)	Ngã ba nhà ông Điền đường vào đập Ea Kram (thửa đất số 17, TĐĐ 60)	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Ngã ba nhà ông Điền đường vào đập Ea Kram (thửa đất số 17, TBĐ 60)	Ngã ba nhà Thờ công Chính- Cư Bao (thửa đất số 22, TBĐ 74)	1.00
		Ngã ba nhà Thờ công Chính- Cư Bao (thửa đất số 22, TBĐ 74)	Ngã ba nhà ông Thành, ông Tú (thửa đất số 122, TBĐ 79)	1.00
		Ngã ba nhà ông Thành (thửa đất số 122, TBĐ 79)	Giáp ranh giới huyện CưMgar	1.00
2	Đường vào buôn Gram	Quốc lộ 14	Ngã ba nhà ông Cao Đình Phương (thửa đất số 34, TBĐ 73)	1.00
3	Đường vào đập Ea Kram	Quốc lộ 14	Ngã ba nhà ông Bùi Văn Hoà (thửa đất số 29, TBĐ 61)	1.00
4	Đường đi Bình Hoà	Ngã ba Quốc lộ 14	Hết ranh giới đất Trường Nguyễn Văn Trỗi (thửa đất số 38, TBĐ 80)	1.00
		Hết ranh giới đất Trường Nguyễn Văn Trỗi (thửa đất số 38, TBĐ 80)	Ngã tư trước cổng thôn Sơn Lộc 2 (thửa đất số 105, TBĐ 80)	1.00
		Ngã tư trước cổng thôn Sơn Lộc 2 (thửa đất số 105, TBĐ 80)	Ngã ba cổng chào đường vào thôn 8 nhà ông Lành (thửa đất số 37, TBĐ 88)	1.00
		Ngã ba cổng chào đường vào thôn 8 nhà ông Lành (thửa đất số 37, TBĐ 88)	Ngã ba nhà bà Bùi Thị Liên - Thôn 8 (thửa đất số 66, TBĐ 77)	1.00
5	Đường vào chợ Cư Bao	Quốc lộ 14	Đến cổng B chợ	1.20
6	Đường vào Chùa Linh Thứ	Quốc lộ 14	Đến hết ranh giới đất trạm Y tế xã	1.00
		Hết ranh giới đất trạm Y tế xã	Nghĩa địa thôn Sơn Lộc 3	1.00
7	Đường song song với Quốc lộ 14	Dãy 1		1.00
8	Các đường giao với Quốc lộ 14	Quốc lộ 14	Dãy 1	1.00
		Dãy 1	Dãy 2	1.00
9	Các đường bao quanh chợ xã Cư Bao			1.00
10	Khu vực còn lại			1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
III	Xã Ea BLang			1.00
1	Đường trục chính vào xã Ea Blang	Đầu cầu buôn Tring	Hết ranh giới đất cây xăng Nhà ông Minh (thửa đất số 23, TĐĐ 08)	1.00
		Hết ranh giới đất cây xăng nhà ông Minh (thửa đất số 23, TĐĐ 08)	Hết ranh giới thửa đất Y Hao Mlô (thửa 54, TĐĐ số 07)	1.00
		Hết ranh giới thửa đất Y Hao Mlô (thửa 54, TĐĐ số 07)	Hết ranh giới đất Trung Tâm dạy nghề TX Buôn Hồ	1.00
		Hết ranh giới đất Trung Tâm dạy nghề TX Buôn Hồ	Giáp ranh giới xã Ea Siên	1.00
		Ngã ba đi xã Ea Blang và Ea Drông	Ngã tư đường đi vào Nghĩa địa Thị xã Buôn Hồ	1.00
		Ngã tư đường đi vào Nghĩa địa Thị xã Buôn Hồ	Giáp ranh giới xã Ea Drông	1.00
2	Khu vực chợ	Đường bao quanh chợ		1.00
3	Đường bao quanh chợ kéo dài	Nhà ông Bùi Văn Tiên (thửa đất số 96, TĐĐ 48)	Kênh cấp I (nhà ông Á thửa đất số 02, TĐĐ 05)	1.00
4	Trần Hưng Đạo kéo dài	Cầu Rôsy	Cầu Rosy + 200m	1.00
		Cầu Rosy + 200m	Giáp xã Tân Lập huyện Krông Búk	1.00
5	Trục chính thôn Tân Lập	Nhà ông Nguyễn Thanh Hương (thửa đất số 47, TĐĐ 2)	Hết ranh giới đất nhà ông Đặng Xuân Ngọc (thửa đất số 52, TĐĐ 6)	1.00
6	Trục chính thôn Tân Tiến	Nhà ông Trần Đình Thông (thửa đất số 47, TĐĐ 3)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Khắc Nông (thửa đất số 31, tờ Bđô 3)	1.00
7	Trục chính thôn Tân Tiến	Nhà ông Nguyễn Văn Trung (thửa đất số 5, TĐĐ 2)	Hết ranh giới đất nhà bà Quách Thị Thành (thửa đất số 72, TĐĐ 3)	1.00
8	Trục chính thôn Tân Hoà	Nhà ông Y Hrah Mlô (thửa đất số 20, TĐĐ 2)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Ngọc Kiều (thửa đất số 57, tờ Bđô 1)	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
9	Trục chính buôn Trinh 4	Nhà ông Nguyễn Quang Tuấn (thửa đất số 59, TĐĐ 51)	Hết ranh giới đất nhà ông Y Liêm Niê (thửa đất số 17, TĐĐ 55)	1.00
10	Trục chính thôn Đông Xuân	Nhà ông Trần Phải (thửa đất số 34, TĐĐ 51)	Hết ranh giới đất nhà bà Trần Thị Thanh (thửa đất số 104, TĐĐ 48)	1.00
		Nhà ông Lâm Tấn Khanh (thửa đất số 49, TĐĐ 49)	Hết ranh giới đất nhà ông Hồ Ngọc Thế (thửa đất số 92, TĐĐ 51)	1.00
		Nhà ông Phạm Văn Thắng (thửa đất số 116, TĐĐ 51)	Nhà ông Nguyễn Văn Niên (thửa đất số 04, TĐĐ 12)	1.00
11	Trục chính thôn Quyết Thắng	Nhà ông Phạm Mông (thửa đất số 06, TĐĐ 52)	Hết ranh giới đất nhà ông Võ Đình Mẹo (thửa đất số 3 TĐĐ 47)	1.00
		Nhà ông Nguyễn Quang Châu (thửa đất số 102, TĐĐ 48)	Hết ranh giới đất nhà bà Lê Thị Diễm Như (thửa đất số 49 TĐĐ 47)	1.00
12	Khu vực còn lại			1.00
IV	Xã Ea Drông			1.00
1	Trục đường 2C các tuyến đường Trung tâm xã	UBND xã Ea Drông về hướng Nam	Đầu ranh giới đất nhà ông Y Bhum Niê (thửa đất số 136, TĐĐ 74)	1.00
		UBND xã Ea Drông về hướng Bắc	Hết ranh giới nhà ông Hoàng Tân (thửa đất số 196 TĐĐ 69)	1.00
		Đầu ranh giới đất nhà ông Y Bhum Niê (thửa đất số 129, TĐĐ 74)	Ngã ba Trường tiểu học Nơ Trang Long (thửa đất số 82, TĐĐ 81)	1.00
		Hết ranh giới nhà ông Hoàng Tân (thửa đất số 196 TĐĐ 69)	Ngã ba Ama Luin (thửa đất số 59, TĐĐ 66)	1.00
		Hết ranh giới Trường tiểu học Nơ Trang Long (thửa đất số 82, TĐĐ 81)	Hết ranh giới đất nhà ông Y B Lom Niê (thửa đất số 82, TĐĐ 36)	1.00
		Ngã ba Ama Luin (thửa đất số 59, TĐĐ 66)	Giáp xã Ea Blang	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Đầu ranh giới nhà ông Thịnh Đông (thửa đất số 943, TĐĐ 38)	Nông trường 49 xã Phú Xuân Krông Năng (thửa đất số 46, TĐĐ 92)	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Y BLơm Niê (thửa đất số 82, TĐĐ 36)	Đầu ranh giới nhà ông Thịnh Đông (thửa đất số 943, TĐĐ 38)	1.00
		Ngã ba Ama Luin (thửa đất số 59, TĐĐ 66)	Hết ranh giới đất nhà ông Y Trung Mlô (thửa đất số 61 TĐĐ 63)	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Y Trung Mlô (thửa đất số 61 TĐĐ 63)	Giáp ranh giới xã Ea Hồ huyện Krông Năng	1.00
2	Khu vực còn lại			1.00
V	Xã Ea Siên			1.00
1	Tuyến Trung tâm xã	Cổng chào thôn 1A (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 76)	Ngã tư nhà ông Pai (thửa đất số 83, TĐĐ 79)	1.00
		Ngã 5 Trung tâm xã Ea Siên	Trường tiểu học Tô Hiệu (thửa đất số 83, TĐĐ 79)	1.00
2	Tuyến 1A thôn 5, thôn 2A	Trường tiểu học Tô Hiệu (thửa đất số 83, TĐĐ 79)	Ngã ba trường mẫu giáo Hoa Sim (thôn 2, thửa đất số 5, TĐĐ 89)	1.00
3	Tuyến đường vào Trung tâm xã	Từ nhà ông Nguyễn Hứa Hiền (thửa đất số 21, TĐĐ 76)	Cổng chào thôn 1A (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 76)	1.00
		Các tuyến đường nhựa và bê tông trung tâm cụm xã Ea siên		1.00
		Ngã 5 Trung tâm xã	Hết ranh giới đất nhà ông Piêu (thôn 1, thửa đất số 51, TĐĐ 79)	1.00
4	Tuyến thôn 1B	Ngã tư nhà ông Lê Quang Đức (thửa đất số 32, TĐĐ 76)	Cổng chào thôn 1B (thửa đất số 21, TĐĐ 73)	1.00
		Cổng chào thôn 1B (thửa đất số 21, TĐĐ 73)	Hết xã Ea siên	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
5	Tuyến thôn 5, thôn 2a, 2b	Ngã tư nhà ông Pai (thửa đất số 83, TĐĐ 79)	Hết xã Ea siên	1.00
		Từ nhà ông Trần Văn Ích (thửa đất số 14, TĐĐ 84)	Thửa đất số 7, TĐĐ 100	1.00
6	Trục chính thôn 3	Ngã ba nhà ông Đồng thôn 5 (thửa đất số 49, TĐĐ 79)	Trường tiểu học Hoàng Văn Thụ (thôn 3, thửa đất số 42, TĐĐ 92)	1.00
7	Tuyến thôn 7	Cổng chào thôn 7 (thửa đất số 100, TĐĐ 38)	Hết ranh giới đất nhà ông Xô (thôn 7, thửa đất số 776, TĐĐ 50)	1.20
8	Tuyến thôn 7 đi thôn 8	Hết ranh giới đất nhà ông Xô (thôn 7, thửa đất số 776, TĐĐ 50)	Hết ranh giới đất nhà ông Hoàng Văn Đức (thôn 8, thửa đất số 64, TĐĐ 62)	1.00
9	Tuyến buôn Dlung 2	Cầu tràn buôn Dlung 1B, giáp phường Thống nhất	Nhà ông Y War Ktla (thửa đất số 604, TĐĐ 37)	1.00
		Nhà ông Y War Ktla (thửa đất số 604, TĐĐ 37)	Thửa đất số 5, TĐĐ 75	1.00
10	Đường đi thôn 6A, 6B	Ngã ba cổng chào thôn 1B (thửa đất số 21, TĐĐ 73)	Hết ranh giới đất nhà ông Chu Văn Hiền (thôn 1B, thửa đất số 130, TĐĐ 41)	1.00
11	Tuyến 1A, 1B	Ngã tư ông Nông Trung Khợ	Ngã ba đất ông Hứa Văn Phiến (thửa đất số 42, TĐĐ 73)	1.00
12	Khu vực còn lại			1.00
1	Đường vào Trung tâm xã	Quốc lộ 14	Đầu ranh giới đất nhà thờ Mân Côi (thửa đất số 75, TĐĐ 11)	1.00
		Đầu ranh giới đất nhà thờ Mân Côi	Hết ranh giới đất cây xăng Thịnh Phong (thửa đất số 62, TĐĐ 78)	1.00
		Hết ranh giới đất cây xăng Thịnh Phong	Hết ranh giới đất nhà bà Phan Thị Ngành (thửa đất số 20, TĐĐ 85)	1.00

Phụ lục III**HỆ SỔ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG BÚK***(Kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh)*

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
I	Xã Pong Drang			
1	Dọc hai bên Quốc lộ 14 (từ giáp ranh giới thị xã Buôn Hồ về huyện Ea H'leo)	Giáp ranh giới phường Đạt Hiếu của thị xã Buôn Hồ	Hết ranh giới thửa đất trụ sở UBND xã Pong Drang	1.10
		Hết ranh giới thửa đất trụ sở UBND xã Pong Drang	Hết Ngã ba cống thôn Tân Lập 6	1.10
		Hết Ngã ba cống thôn Tân Lập 6	Hết ngã ba đường Tỉnh lộ 8	1.10
		Từ ngã ba đường Tỉnh lộ 8	Cống văn hóa thôn 9 cũ (Nhà ông Nguyễn Văn Thuyết thửa 235 TBĐ số 63)	1.10
		Cống văn hóa thôn 9 cũ (Nhà ông Nguyễn Văn Thuyết thửa 235 TBĐ số 63)	Hết ngã ba đường vào hội trường thôn 13 (nhà ông Nghiêm Nhiều, thửa đất 32, tờ bản đồ 56)	1.10
		Hết ngã ba đường vào hội trường thôn 13 (nhà ông Nghiêm Nhiều, thửa đất 32, tờ bản đồ 56)	Hết ngã ba đường vào Trường dạy nghề	1.10
		Hết ngã ba đường vào Trường dạy nghề	Hết ngã ba đường Tránh Tây (TX Buôn Hồ)	1.10
		Hết ngã ba đường Tránh Tây (TX Buôn Hồ)	Giáp xã Chư Kô	1.10
2	Đường Tỉnh lộ 8	Ngã ba Quốc lộ 14	Ngã ba Quốc lộ 14+150m	1.10
		Ngã ba Quốc lộ 14 + 150m	Ngã ba Quốc lộ 14+300m	1.10
		Ngã ba Quốc lộ 14 + 300m	Ngã ba Quốc lộ 14+500m	1.10
		Ngã ba Quốc lộ 14+500m	Ngã ba Quốc lộ 14+1000m	1.10
		Ngã ba Quốc lộ 14+1000m	Ngã ba Quốc lộ 14+2000m	1.10
		Ngã ba Quốc lộ 14+2000m	Cầu buôn Tân Mai	1.10

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
3	Đường đi Công ty cà phê 15	Ngã ba Quốc lộ 14	Giáp ranh giới xa Ea Ngai	1.10
4	Các đường tiếp giáp Quốc lộ 14			1.10
	Đoạn từ giáp phường Đat Hiếu đến hết trụ sở UBND xã Pong Drang	Từ Quốc lộ 14	Quốc lộ 14 + 100m	1.10
		Quốc lộ 14 + 100m	Quốc lộ 14 + 300m	1.10
		Quốc lộ 14 + 300m	Quốc lộ 14 + 500m	1.10
	Đoạn từ hết trụ sở xã Pong Drang đến hết ngã ba công thôn Tân Lập 6	Từ Quốc lộ 14	Quốc lộ 14 + 100m	1.10
		Quốc lộ 14 + 100m	Quốc lộ 14 + 300m	1.10
		Quốc lộ 14 + 300m	Quốc lộ 14 + 500m	1.10
	Đoạn từ ngã ba công thôn Tân Lập 6 hết ngã ba đường Tỉnh lộ 8 (trừ đường Tỉnh lộ 8)	Từ Quốc lộ 14	Quốc lộ 14 + 100m	1.10
		Quốc lộ 14 + 100m	Quốc lộ 14 + 300m	1.10
		Quốc lộ 14 + 300m	Quốc lộ 14 + 500 m	1.10
	Từ ngã ba Tỉnh Lộ 8 đến công văn hóa thôn 9 cũ (Nhà ông Nguyễn Văn Thuyết thửa 235 TBD số 63)	Từ Quốc lộ 14	Quốc lộ 14 + 100m	1.10
		Quốc lộ 14 + 100m	Quốc lộ 14 + 300m	1.10
		Quốc lộ 14 + 300m	Quốc lộ 14 + 500m	1.10
	Công văn hóa thôn 9 cũ (Nhà ông Nguyễn Văn Thuyết thửa 235 TBD số 63) đến đường vào hội trường thôn 13 (nhà bà Ông Nghiêm Nhiều, thửa 32 TBD số 56)	Quốc lộ 14	Quốc lộ 14 + 100m	1.10
		Quốc lộ 14 + 100m	Quốc lộ 14 + 300m	1.10
		Quốc lộ 14 + 300m	Quốc lộ 14 + 500m	1.10
	Ngã ba đường vào hội trường thôn 13 (nhà bà Ông Nghiêm Nhiều thửa 32 TBD số 56) đến đường vào trường dạy nghề	Quốc lộ 14	Quốc lộ 14 + 100m	1.10
		Quốc lộ 14 + 100m	Quốc lộ 14 + 300m	1.10
		Quốc lộ 14 + 300m	Quốc lộ 14 + 500m	1.10
5	Các đường song song với Quốc lộ 14			1.10
	Đoạn từ giáp ranh phường Đat Hiếu đến hết trụ sở UBND xã Pong Drang	Dãy 1		1.10
		Dãy 2		1.10
		Từ nhà ông Lê Văn Sắc (thửa 90 TBD 75)	Nhà ông Y Kher Niê (thửa 53 TBD 69)	1.10
	Đoạn từ hết trụ sở UBND xã Pong Drang đến ngã ba công thôn Tân Lập 6	Dãy 1		1.10
		Dãy 2		1.10

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)	
		Từ	Đến		
	Đoạn từ ngã ba cống thôn Tân Lập 6 đến ngã ba đường đi Tỉnh lộ 8	Dãy 1		1.10	
		Dãy 2		1.10	
		Nhà ông Nguyễn Văn Nguyệt (thửa 141 TBĐ 7)	Hết thửa đất nhà ông Trần Hữu Phước (thửa 169 TBĐ 74)	1.10	
		Nhà bà Phạm Thị Rây (thửa 330 TBĐ 68)	Hết thửa đất nhà ông Huỳnh Thanh Anh (thửa 329/74)	1.10	
	Đoạn từ ngã ba Tỉnh lộ 8 đến Cống văn hóa thôn 9 mới	Dãy 1		1.10	
		Dãy 2 (vào sâu <= 250m)		1.10	
		Nhà ông Nguyễn Xuân Tình (thửa số 86, tờ bản đồ số 67)	Nhà ông Nguyễn Phi Thịnh (thửa số 81, tờ bản đồ số 62)	1.10	
	Đoạn từ hết Cống văn hóa thôn 9 đến hết trụ sở UBND huyện cũ	Dãy 1		1.10	
		Dãy 2		1.10	
	Từ hết trụ sở UBND huyện cũ đến hết Trung tâm dạy nghề	Dãy 1		1.10	
		Dãy 2		1.10	
		Từ thửa 50, tờ bản đồ 62 (bà Nguyễn Thị Hội) đến hết thửa số 08, tờ bản đồ 62 (ông Nguyễn Trọng Hữu)		1.10	
		Từ thửa 116, tờ bản đồ 32 (bà Trần Thị Thanh) đến hết thửa số 36, tờ bản đồ 32 (ông Lê Xuân Trinh)		1.10	
6	Đường buôn Ea Tú đi xã Ea Ngai	Ngã ba Ba Tài	Ngã ba Ba Tài + 100m	1.10	
		Ngã ba Ba Tài + 100m	Ngã ba Ba Tài + 500m	1.10	
		Ngã ba Ba Tài + 500m	Cầu Ea Tú	1.10	
7	Đường đầu nối dãy 1 và dãy 2	Từ đầu ranh giới thửa đất nhà ông Đào Viết Thắng, dãy 1 (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 68)	Hết ranh giới thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Hạnh thuộc thôn 9a (thửa đất số 95, tờ bản đồ số 62)	1.10	
8	Khu đầu giá			1.10	
	Các đường tiếp giáp với đường Quốc lộ 14		Đường Quốc lộ 14	Hết Khu đầu giá đất	1.10
	Các đường song song với Quốc lộ 14	Dãy 1		1.10	
		Dãy 2		1.10	
		Dãy 3		1.10	
	Đường nối dãy 1 và dãy 3			1.10	
9	Khu dân cư còn lại			1.10	
II	Xã Chư K'bo				

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
1	Dọc QL14	Giáp ranh giới xã Pong Drang	Hết ranh giới thửa đất bãi vật liệu	1.00
		Hết ranh giới thửa đất bãi vật liệu	Hết ngã ba đường vào đài tưởng niệm (cổng thôn K'Ty IV)	1.00
		Hết ngã ba đường vào đài tưởng niệm (cổng thôn K'Ty IV)	Hết ngã ba đường vào xã Cư Pong (Km57)	1.00
		Hết ngã ba đường vào xã Cư Pong (Km57)	Hết ranh giới thôn Nam Thái	1.00
2	Các đường tiếp giáp QL14			1.00
	Đường lên trụ sở UBND xã Chư K'bô	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Hết ngã ba nhà ông Hoà (thửa đất 4, TĐĐ số 74) và hết ranh giới đất trụ sở UBND xã Chư K'bô	1.00
	Đường tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường lên Trường Phan Bội Châu - thôn Nam Anh	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Hết ranh giới thửa đất Trường Phan Bội Châu	1.00
	Đường đi vào Trường THCS Hai Bà Trưng	Tiếp giáp Quốc lộ 14 - Từ đường N6	Hết ranh giới thửa đất Trường THCS Hai Bà Trưng	1.00
	Đường giao thông liên thôn (đoạn từ ngã ba đi Nông trường cao su Chư K'bô) - thôn Quảng Hà	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Lô cao su Nông trường Chư K'bô	1.00
	Đường giao thông liên thôn Ea Nho	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Hết hộ ông Hoàng Đình Đàm	1.00
3	Đường song song Quốc lộ 14 (thôn Nam Anh)	Hết ngã ba đường vào trụ sở UBND xã Chư K'bô	Đến hết ranh giới thửa đất Trường Phan Bội Châu	1.00
4	Đường giao thông liên thôn			1.00
	Đường giao thông liên thôn An Bình (Đoạn từ Cầu đến Trụ sở NT Cao Su)	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Sơn (thửa đất 62, thuộc TĐĐ 91)	Hết ranh giới đất Trụ sở NT Cao su Cư K'bô	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Tân (thửa đất 62, TĐĐ 95)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Thắng (thửa đất 161, TĐĐ 92)	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
	Đường giao thông liên thôn Hòa Lộc (Đường tiếp giáp trụ sở NT cao su Cư Kpô)	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Thắng (thửa đất 198, TBĐ số 92)	Giáp lô cao su của thôn Hoà Lộc	1.00
	Đường giao thông liên thôn Quảng Hà (từ cổng thôn về phía trạm xá)	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Tiến (thửa đất 17, TBĐ số 103)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Minh (thửa đất 74, TBĐ số 96)	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Bình (thửa đất 1, TBĐ số 103)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hải (thửa đất 75, TBĐ số 96)	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Bình (thửa đất 1, TBĐ số 103)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nghĩa (thửa đất 39, TBĐ số 95)	1.00
	Đường giao thông - thôn Thống Nhất	Đầu cầu NT Cao Su	Hết lô cao su của thôn Thống Nhất	1.00
	Đường đi vào Trường THCS Hai Bà Trưng (thôn Nam Lộc)	Giáp ranh giới thôn Nam Tân	Hết ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Trung (thửa đất 82, TBĐ số 40)	1.00
5	Khu dân cư thôn Bình Minh			1.00
6	Khu dân cư thôn Liên Hoá			1.00
7	Khu dân cư thôn Độc Lập			1.00
8	Khu dân cư thôn Tân Lập			1.00
9	Khu dân cư thôn Kim Phú			1.00
10	Khu dân cư thôn Hợp Thành			1.00
11	Khu dân cư thôn Nam Trung			1.00
12	Khu dân cư còn lại của thôn K'Ty I			1.00
13	Khu dân cư còn lại của thôn K'Ty II			1.00
14	Khu dân cư còn lại của thôn K'Ty III			1.00
15	Khu dân cư còn lại của thôn K'Ty IV			1.00
16	Khu dân cư còn lại của thôn K'Ty V			1.00
17	Khu dân cư còn lại của thôn Nam Anh			1.00
18	Khu dân cư còn lại của thôn Nam Thái			1.00
19	Khu dân cư còn lại của thôn Nam Lộc			1.00
20	Khu dân cư còn lại của thôn Nam Tân			1.00
21	Khu dân cư còn lại thôn An Bình			1.00
22	Khu dân cư còn lại của thôn Thống Nhất			1.00
23	Khu dân cư còn lại thôn Quảng Hà			1.00
24	Khu dân cư còn lại của thôn Hoà Lộc			1.00
25	Khu dân cư còn lại của buôn Ea Nho			1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
III	Xã Tân Lập			
1	Đường QL 29	Cầu Rôsy	Cầu Rosy + 200m	1.00
		Cầu Rosy + 200m	Đường vào thôn Tân Hòa	1.00
		Đường vào thôn Tân Hòa	Giáp ranh giới huyện Krông Năng	1.00
2	Đường liên xã	Tiếp giáp Quốc lộ 29	Đến suối Krông Buk giáp ranh giới xã Pong Drang	1.00
3	Đường khu vực còn lại trong khu đấu giá (thôn 2)			1.00
4	Khu dân cư còn lại			1.00
IV	Xã Ea Sin			
1	Đường giao thông liên xã đi vào xã Ea Sin	Từ ngã 3 buôn Ea Káp	Cầu Ea Sin (giáp ranh giới xã Cư Pong)	1.00
2	Đường giao thông đi vào xã Ea Sin	Đường đi thôn Ea My (Giáp ranh giới xã Cư Pong)	Hết ngã ba đường vào UBND xã Ea Sin (Trung tâm xã)	1.00
3	Khu dân cư còn lại của xã Ea Sin			1.00
V	Xã Cư Né			
1	Hai bên Quốc lộ 14 (từ phía huyện Krông Buk về phía huyện Ea H'leo)	Hết ngã ba đi Cư Pong	Cầu Krông Búk (QL 14 mới)	1.00
		Cầu Krông Búk (QL 14 mới)	Hết ranh giới trường Phan Chu Trinh (ngã ba buôn Drăh)	1.00
		Hết ranh giới trường Phan Chu Trinh (ngã ba buôn Drăh)	Hết Km 68 (giáp huyện Ea H'Leo)	1.00
2	Các tuyến tiếp giáp QL14			1.00
	Đường đi cầu buôn Drăh	Từ giáp Quốc lộ 14 (đoạn km 62)	Hết cầu buôn Drăh	1.00
		Hết cầu buôn Drăh	Giáp ranh giới xã Ea Toh, huyện Krông Năng	1.00
	Đường đi Đập buôn Dhiă	Từ giáp Quốc lộ 14 (đoạn km 62.5)	Hết đập buôn Dhiă	1.00
	Đường vào thôn Ea Nguôi	Từ giáp Quốc lộ 14 (đoạn km 68)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Đoái thôn Ea Nguôi	1.00
	Đường vào xã Cư Pong	Từ giáp Quốc lộ 14 (đoạn km 57)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lê Văn Trung (thửa đất 85, TBĐ 171)	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lê Văn Trung (thửa đất 85, TĐĐ 171)	Giáp xã Cư Pong	1.00
	Đường đi vào buôn Ea Kroa	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Hết ngã ba đường vào trường dân tộc nội trú	1.00
		Tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Phan Chu Trinh)	Hết ranh giới thửa đất 13, TĐĐ số 83	1.00
	Đoạn km 65 đi vào xã Ea Sin	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Hết ranh giới thửa đất nhà cô Hoài (thửa đất 35, TĐĐ số 103)	1.00
3	Đường vào Buôn Drao	Từ Quốc lộ 14 (từ Km63,5)	Hết ranh giới hành lang lưới điện 500 kV	1.00
		Hết ranh giới hành lang lưới điện 500 kV	Hết thửa đất 57, TĐĐ số 121	1.00
4	Từ Km57 đến giáp cơ quan quân sự huyện Krông Búk	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Quốc lộ 14 + 100m	1.00
		Quốc lộ 14 + 100m	Quốc lộ 14 + 150m	1.00
5	Đường song song với Quốc lộ 14			1.00
	Đoạn từ tiếp giáp đường vào xã Cư Pong (Km57) đến giáp cơ quan quân sự huyện	Dãy 1		1.00
		Dãy 2		1.00
4	Khu Tái định cư thôn 6			1.00
5	Khu dân cư còn lại			1.00
VI	Xã Ea Ngai			
1	Đường Tỉnh lộ 8	Từ suối đá (giáp huyện Cư M'gar)	Đầu cầu buôn Tăng Mai	1.00
2	Đường đi Công ty cà phê 15 (từ cụm công nghiệp Krông Buk đi Công ty cà phê 15)	Từ cụm công nghiệp Krông Buk (giáp xã Pong Drang)	Hết ranh giới thửa đất ông Sơn (cây xăng Thanh Sơn)	1.00
		Hết ranh giới thửa đất ông Sơn (cây xăng Thanh Sơn)	Hết ranh giới xã Ea Ngai (giáp ranh giới huyện Cư M'gar)	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
3	Đường giao thông liên thôn	Từ nhà ông Bùi Sơn (thửa đất 01, TBĐ số 85) – Cổng chào thôn 4	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Hồng Sơn (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 79)	1.00
		Giáp ranh giới thửa đất cây xăng Hồng Tuệ	Thửa đất nhà ông Nguyễn Hồng Sơn (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 79)	1.00
		Ngã ba thôn 3 - Tiếp giáp thửa đất nhà ông Lê Văn Hải (thửa 34 TBĐ số 70)	Tiếp giáp thửa đất nhà ông Trịnh Hồng Diệu	1.00
		Ngã ba thôn 3 - Thửa ông Lê Văn Hải (thửa 34 TBĐ số 70)	Ngã tư đường nhà ông Nguyễn Thế Ngọc (thửa đất 15, TBĐ số 79)	1.00
4	Khu dân cư còn lại			1.00
VII	Xã Cư Pong			
1	Đường Km 57 vào UBND xã Cư Pong (đường QL 14 cũ)	Ngã ba Quốc lộ 14 cũ	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Tài (thửa đất 24, TBĐ số 16)	1.00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Tài (thửa đất 24, TBĐ số 16)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Y Chung Mlô (thửa đất 09, TBĐ số 14)	1.00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Y Chung Mlô (thửa đất 09, TBĐ số 14)	Hết ranh giới hộ Y Huyền Adong (thửa 112 TBĐ 97)	1.00
		Hết ranh giới hộ Y Huyền Adong (thửa 112 TBĐ 97)	Nhà ông Hoài	1.00
		Nhà ông Hoài	Ngã tư nhà ông Ma Kim + 300m các nhánh rẽ	1.00
		Hết ranh giới hộ Y Huyền Adong (thửa 112 TBĐ 97)	Hết ranh giới trường La Văn Cầu	1.00
		Ngã tư nhà ông Ma Kim + 300m các nhánh rẽ	Hết cầu suối Ea Súp	1.00
		Hết cầu suối Ea Súp	Thửa đất 79, TBĐ số 109	1.00
		Ngã ba trường mẫu giáo Hoa Phong Lan (nhà ông Tài)	Đi về ngã ba trung tâm xã	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
2	Đường đi Công ty cà phê 15	Giáp xã Ea Ngai	Hết ngã ba đi Cư Pong	1.00
		Hết ngã ba đường vào Cư Pong	Hết ngã ba buôn Cư Yuôt (đi huyện Cư M'gar)	1.00
		Hết ngã ba đường vào Cư Pong	Đầu ngã ba đường vào buôn Kbuôr (Trung tâm văn hóa cộng đồng xã Cư Pong)	1.00
		Đầu ngã ba đường vào buôn Kbuôr (Trung tâm văn hóa cộng đồng xã Cư Pong)	Đầu ranh giới đất Trụ sở UBND xã Cư Pong	1.00
3	Đường giao thông (từ Trụ sở UBND xã Cư Pong đi xã Ea Sin)	Đầu ranh giới đất Trụ sở UBND xã Cư Pong	Hết ranh giới đất Trường Phạm Hồng Thái	1.00
		Hết ranh giới đất Trường Phạm Hồng Thái	Ngã tư đường vào xã Ea Sin (nhà Nay Soát, thửa đất 11, TBĐ số 42)	1.00
		Đầu thửa đất nhà Nay Soát (thửa đất 11, TBĐ số 42)	Giáp xã Ea Sin	1.00
4	Khu dân cư còn lại			1.00